

BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÓA CHẤT VÀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Nghị định 71/2019/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Điều 2 của Nghị định số 17/2022/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo từng chức danh đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp. 2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.	Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo từng chức danh đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp. 2. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp không quy định tại Nghị định này mà được quy định tại các nghị định khác về xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng quy định tại nghị định đó để xử phạt.
Điều 2. Đối tượng bị xử phạt 1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây viết tắt là cá nhân, tổ chức) thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này. 2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt theo quy định của Nghị định này, bao gồm: a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã, gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật đầu tư, gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước	Điều 2. Đối tượng bị xử phạt 1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây viết tắt là cá nhân, tổ chức) thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này. 2. Tổ chức là đối tượng bị áp dụng các quy định xử phạt theo quy định của Nghị định này, bao gồm: a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã, gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật đầu tư, gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước

ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; d) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; đ) Đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật. 3. Hộ kinh doanh phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.	ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; d) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; đ) Đơn vị sự nghiệp; 3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân.
Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả 1. Hình thức xử phạt chính: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Đình chỉ có thời hạn một phần hoặc toàn bộ hoạt động hóa chất; hoạt động sản xuất, mua bán, nhập khẩu, khảo nghiệm hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; hoạt động cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm; hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;	Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả 1. Hình thức xử phạt chính: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với loại 5 (chất oxi hoá, peroxit hữu cơ) và loại 8 (chất ăn mòn); Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất; b) Đình chỉ có thời hạn một phần hoặc toàn bộ hoạt động hóa chất; hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong hoạt động hóa chất, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~điểm a, e, d, đ, e, h và i khoản 1 Điều 28~~ Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- a) Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất;
- b) Buộc tái chế sản phẩm điện, điện tử sản xuất trong nước có hàm lượng hóa chất độc hại vượt quá giới hạn hàm lượng cho phép;
- c) Buộc thu hồi hóa chất sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu đã đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường nhưng chưa được phân loại;
- d) Buộc thu hồi để tái chế hóa chất nguy hiểm là hóa chất độc gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường đã đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường nếu còn khả năng tái chế;
- đ) Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
- e) Buộc tái chế chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế còn có khả năng tái chế;
- g) Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm;
- h) Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
- i) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp;
- k) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; trong xây dựng, trang bị các loại công cụ hỗ trợ, phương tiện, công trình bảo vệ, canh gác trong kho vật liệu nổ công nghiệp;
- l) Buộc di chuyển hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ đến kho, địa điểm theo quy định.
- m) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong hoạt động hóa chất, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- a) Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất;
- b) Buộc tái chế sản phẩm điện, điện tử sản xuất trong nước có hàm lượng hóa chất độc hại vượt quá giới hạn hàm lượng cho phép;
- c) Buộc thu hồi hóa chất sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu đã đưa vào lưu thông trên thị trường nhưng chưa được phân loại;
- d) Buộc thu hồi để tái chế hóa chất nguy hiểm là hóa chất độc gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường đã đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường nếu còn khả năng tái chế;
- đ) Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
- e) Buộc tái chế chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế còn có khả năng tái chế;
- g) Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm;
- h) Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
- i) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp;
- k) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; trong xây dựng, trang bị các loại công cụ hỗ trợ, phương tiện, công trình bảo vệ, canh gác trong kho vật liệu nổ công nghiệp;
- l) Buộc di chuyển hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ đến kho, địa điểm theo quy định;
- m) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy

phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp; Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3; giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép.	phép sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép; n) Buộc xây dựng bổ sung nguyên tắc hóa học xanh bị thiếu trong quá trình thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị của dự án hóa chất; o) Buộc cải chính thông tin sai sự thật trong Phiếu an toàn hóa chất.
Điều 4. Quy định về mức phạt tiền tối đa, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức 1. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân trong lĩnh vực hóa chất là 50.000.000 đồng, trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp là 100.000.000 đồng. 2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân thực hiện. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. 3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Đối với hành vi vi phạm của tổ chức, thẩm quyền phạt tiền tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.	Điều 4. Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức 1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất là 50.000.000 đồng, trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp là 100.000.000 đồng. 2. Mức phạt tiền đối với các hành vi quy định tại Chương II của Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân thực hiện. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. 3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền xử phạt đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.
Điều 4a. Quy định về vi phạm hành chính đã kết thúc, vi phạm hành chính đang được thực hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm nhiều lần 1. Hành vi vi phạm đã kết thúc, hành vi vi phạm đang được thực hiện được xác định căn cứ quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. 2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần:	Điều 5. Quy định về vi phạm hành chính đang được thực hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm nhiều lần 1. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm hành chính và không áp dụng tình tiết tăng nặng do vi phạm nhiều lần khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; 2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm tại khoản 4, 5 Điều 15; khoản 4, 5 Điều 16; khoản 4, 5 Điều 17; khoản 4,

- a) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm hành chính và không áp dụng tình tiết tăng nặng do vi phạm nhiều lần khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- b) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và 3 Điều 6; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 13; khoản 5 Điều 16; khoản 5 Điều 17; khoản 2 Điều 18; Điều 21; khoản 2 Điều 22; khoản 1 và 3 Điều 23; điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định này thì không xử phạt về từng hành vi vi phạm hành chính mà áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4b. Thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính

- Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Phần thứ hai của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Biên bản, tài liệu, văn bản hoặc giấy tờ liên quan khác ghi nhận việc thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả phải có trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này là vật, tiền, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác có được từ vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện và được xác định như sau:
 - Số lợi bất hợp pháp thu được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính và được tính bằng số tiền thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ vi phạm sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do cá nhân, tổ chức vi phạm cung cấp; trường hợp chuyển nhượng, tiêu thụ hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu hoặc cung cấp dịch vụ kinh

5 Điều 18; khoản 2 Điều 19; khoản 2 Điều 20; khoản 2 Điều 25; khoản 1, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 60 Nghị định này thì không xử phạt về từng hành vi vi phạm hành chính mà áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 6. Thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự

- Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều 17, khoản 1 Điều 25; khoản 3, 4 Điều 52, khoản 6 Điều 55; điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 56; điểm a, b khoản 5, điểm b, d khoản 6 Điều 57 Nghị định này có dấu hiệu tội phạm hoặc lượng hóa hành vi, thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra bị can; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can; quyết định đình chỉ vụ án; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và trả lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

doanh có điều kiện thì số lợi bất hợp pháp thu được bằng tiền là toàn bộ số tiền cá nhân, tổ chức thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ đó; b) Số lợi bất hợp pháp thu được bằng giấy tờ có giá là toàn bộ giấy tờ có giá mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp giấy tờ có giá đã được chuyển nhượng thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền thực tế thu được tại thời điểm chuyển nhượng; trường hợp giấy tờ có giá đã bị tẩu tán, tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định theo giá trị sổ sách của tổ chức phát hành giấy tờ có giá tại thời điểm tẩu tán, tiêu hủy; c) Số lợi bất hợp pháp là vật, tài sản khác mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính là các tài sản khác theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp vật, tài sản khác không phải hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền tương đương giá trị thị trường của tài sản cùng loại hoặc xác định theo giá trị sổ sách của tài sản (nếu không có giá trị thị trường) hoặc xác định bằng giá trị tiền của tài sản ghi trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) của tổ chức, cá nhân vi phạm sau khi trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó. Trường hợp vật, tài sản khác là hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ thì số lợi bất hợp pháp được xác định là tổng số tiền mà tổ chức, cá nhân nhận được khi thực hiện chuyển nhượng.	
Chương II VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT TRONG LĨNH VỰC HÓA CHẤT VÀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP	Chương II VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT TRONG LĨNH VỰC HÓA CHẤT VÀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP Mục 1. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

	Điều 7. Vi phạm quy định về nguyên tắc hoá học xanh trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với mỗi hành vi áp dụng thiếu một trong những nguyên tắc hóa học xanh sau đây trong quá trình thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị của dự án hóa chất: a) Ngăn ngừa chất thải, thông qua việc ứng dụng các công nghệ sản xuất, nguyên liệu đầu vào tiên tiến, hiện đại nhằm phát triển các quy trình sản xuất không tạo ra chất thải; b) Tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, ưu tiên các quy trình sử dụng ít năng lượng; c) Quan trắc và phân tích theo thời gian thực để giám sát và kiểm soát quá trình sản xuất nhằm ngăn ngừa việc tạo ra hoá chất nguy hiểm; d) Giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra tai nạn, lựa chọn kỹ lưỡng hoá chất và các dạng của hoá chất để tối thiểu nguy cơ sự cố hóa chất. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc xây dựng bổ sung nguyên tắc hóa học xanh bị thiếu trong quá trình thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị của dự án hóa chất quy định tại khoản 1 Điều này.
	Điều 8. Vi phạm quy định về khoảng cách an toàn đối với địa điểm thực hiện dự án hóa chất 1. Mức phạt tiền đối với hành vi không tuân thủ khoảng cách an toàn đối với các dự án hóa chất thuộc đối tượng phải tuân thủ khoảng cách an toàn theo quy định và thuộc đối tượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư công như sau: a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giải trình về sự phù hợp của địa điểm xây dựng dự án với quy định về khoảng cách an toàn được thực hiện sau khi gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi giải trình không đúng về sự phù hợp của địa điểm xây dựng dự án với quy định về khoảng cách an toàn trong nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc đề xuất dự án đầu tư. c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không giải trình về sự phù hợp của địa điểm xây dựng dự án với quy định

	về khoảng cách an toàn trong nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc đề xuất dự án đầu tư. 2. Mức phạt tiền đối với hành vi không tuân thủ khoảng cách an toàn đối với các dự án hóa chất thuộc đối tượng phải tuân thủ khoảng cách an toàn theo quy định và không thuộc đối tượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư như sau: a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đánh giá về việc đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn đối với địa điểm thực hiện dự án hóa chất được thực hiện sau khi gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi đánh giá không đúng về việc đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn đối với địa điểm thực hiện dự án hóa chất. c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phê duyệt dự án, quyết định đầu tư mà chưa đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả a) Buộc xây dựng lại và đánh giá lại khoảng cách an toàn trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các hành vi vi phạm tại điểm điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này. b) Buộc xây dựng lại khoảng cách an toàn trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.
	Điều 9. Vi phạm quy định về điều kiện đối với tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người lao động tham gia thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất không đảm bảo kinh nghiệm công tác phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất như sau: a) Ít hơn 7 năm kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành hóa chất đối với người lao động thuộc Tổ chức hoạt động xây dựng hạng I;

	b) Ít hơn 4 năm kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành hóa chất đối với người lao động thuộc Tổ chức hoạt động xây dựng hạng II; c) Ít hơn 2 năm kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành hóa chất đối với người lao động thuộc Tổ chức hoạt động xây dựng hạng III. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người lao động tham gia thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất không có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về các ngành quy định hoạt động an toàn hóa chất. 3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có cá nhân tham gia hoạt động tư vấn là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động.
	Điều 10. Vi phạm quy định về phạm vi hoạt động và điều kiện đối với cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hạng A3 không đáp ứng điều kiện thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 02 năm trở lên. b) Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hạng A3 không đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm công tác thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị từ 02 dự án hóa chất có công trình cấp IV trở lên. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hạng A2 không đáp ứng điều kiện thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên. b) Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hạng A2 không đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm công tác thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị từ 02 dự án hóa chất có công trình cấp III trở lên.

	3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hạng A1 không đáp ứng điều kiện thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 07 năm trở lên. b) Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất hạng A1 không đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm công tác thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị từ 02 dự án hóa chất có công trình cấp II trở lên. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất không có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về các ngành theo quy định được thực hiện các hoạt động an toàn hóa chất.
	Điều 11. Vi phạm quy định về điều kiện đối với tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất 1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp III, cấp IV mà không có tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A3 trở lên là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp II mà không có tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A2 trở lên là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động 3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp I mà có ít hơn 02 tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A1 là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động.
	Điều 12. Vi phạm quy định điều kiện đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất

	1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi không đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất sau đây: a) Có thời gian kinh nghiệm công tác ít hơn 03 năm tại vị trí liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất; b) Đối với cá nhân tư vấn huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất hạng B1: Có kinh nghiệm tham gia huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất ít hơn 05 lớp trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ; c) Đối với cá nhân tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh hạng B1: Tham gia xây dựng ít hơn 02 chương trình diễn tập cấp tỉnh; d) Đối với cá nhân tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia hạng B1: Tham gia xây dựng ít hơn 05 chương trình diễn tập cấp tỉnh; đ) Đối với cá nhân tư vấn xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hạng B1: Tham gia xây dựng ít hơn 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ. e) Đối với hoạt động tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp doanh nghiệp hạng B2: tham gia xây dựng ít hơn 02 chương trình diễn tập cấp doanh nghiệp. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi không đáp ứng điều kiện về giấy tờ, bằng cấp đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất sau đây: a) Không có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; b) Không có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về hóa học.
	Điều 13. Vi phạm quy định về điều kiện đối với tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất 1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi có trang thiết bị bảo vệ cá nhân nhưng chưa phù hợp với đặc tính nguy hiểm của các loại hóa chất. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tư vấn viên đảm nhận nhiệm vụ tư vấn có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất nhưng không phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định.

	3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có tư vấn viên đảm nhận nhiệm vụ tư vấn có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất. 4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bảo vệ cá nhân hoặc phương tiện thấm hút chống tràn đổ hóa chất.
	Điều 14. Vi phạm quy định về hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất; tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất theo Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân; b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp không thực hiện quy định về cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân khi có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của cá nhân, tổ chức. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất; tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất không đúng phạm vi ghi trong Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân. 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất; tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất mà không có Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân hoặc tiếp tục hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất; tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất trong thời

	gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động tư vấn, tước quyền sử dụng Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. b) Đình chỉ hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất; tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất theo Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân từ 03 tháng đến 06 tháng đối hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất của tổ chức, cá nhân bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này.
Mục 1. VI PHẠM YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT Điều 5. Vi phạm quy định về yêu cầu đối với nhà xưởng, kho chứa, thiết bị trong sản xuất, kinh doanh hóa chất 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có bảng hiệu và đèn báo tại lối thoát hiểm của nhà xưởng, kho chứa hóa chất. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có thông tin thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất theo quy định trong biển báo nguy hiểm treo tại nhà xưởng, kho chứa hóa chất; b) Không treo, đặt biển báo các đặc tính nguy hiểm của hóa chất ở nơi dễ thấy trong nhà xưởng, kho chứa hóa chất; c) Không có bảng nội quy về an toàn hóa chất trong nhà xưởng, kho chứa hóa chất; d) Không treo, đặt bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn ở vị trí dễ thấy, dễ đọc tại khu vực sản xuất có hóa chất nguy hiểm;	Mục 2. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT Điều 15. Vi phạm quy định về điều kiện về đảm bảo an toàn trong sản xuất, kinh doanh hóa chất và dịch vụ tồn trữ hóa chất 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây: a) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất có bảng nội quy về an toàn hóa chất nhưng không phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất hoặc không treo ở nơi dễ thấy. b) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất có biển báo nguy hiểm nhưng không phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất hoặc không treo ở nơi dễ thấy. Biển báo nguy hiểm thiếu một trong các thông tin: mã nhận dạng hóa chất; hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ; hình đồ cảnh báo (nếu có) không thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm. c) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố nhưng không phù hợp các đặc tính nguy hiểm của hóa chất.

đ) Sử dụng hệ thống chiếu sáng không đảm bảo đúng quy định, yêu cầu trong sản xuất, cất giữ hóa chất; e) Sử dụng hệ thống thông gió tại nhà xưởng, kho chứa hóa chất không đáp ứng một trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió; g) Không có hệ thống thu lôi chống sét cho nhà xưởng, kho chứa hóa chất không nằm trong khu vực được chống sét an toàn; h) Không có rãnh thu gom và thoát nước cho sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng bồn chứa ngoài trời không có đê bao hoặc không có các biện pháp kỹ thuật khác để ngăn chặn hóa chất thoát ra môi trường. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không duy trì các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ tại kho chứa hóa chất đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; khu vực riêng trong kho hoặc kho riêng để tồn trữ, bảo quản đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; b) Không chứa hóa chất trong kho để tồn trữ, bảo quản đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; không duy trì việc tồn trữ, bảo quản hóa chất ở một khu vực riêng trong kho hoặc kho riêng để tồn trữ, bảo quản đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 4a. <u>7</u> Áp dụng quy định về hành vi vi phạm, mức phạt, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động để xử phạt vi phạm về kiểm định định kỳ đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất, kinh doanh hóa chất. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này. Điều 6. Vi phạm quy định về vật chứa, bao bì chứa đựng hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất	2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây: a) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất không có bảng nội quy về an toàn hóa chất. b) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất không có biển báo nguy hiểm. c) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất không có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất không đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc không phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất. b) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất không đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan c) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất không có bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn hoặc có bảng nhưng ở vị trí không dễ đọc, dễ thấy tại khu vực sản xuất có hoá chất có điều kiện hoặc hoá chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc hóa chất cấm; hoặc tại khu vực tồn trữ hóa chất nguy hiểm đối với dịch vụ tồn trữ hóa chất. d) Không phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất đối với các hoá chất có điều kiện hoặc chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc hóa chất cấm; hoặc tại khu vực tồn trữ hoá chất nguy hiểm đối với dịch vụ tồn trữ hóa chất. đ) Bảo quản chung các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau hoặc có yêu cầu về an toàn hóa chất, phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực đối với các hoá chất có điều kiện hoặc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc hóa chất cấm; hoặc tại khu vực tồn trữ hóa chất nguy hiểm đối với dịch vụ tồn trữ hóa chất. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hóa chất mà không có kho tồn trữ hóa chất hoặc không thuê kho của tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.
--	---

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không bảo quản riêng bao bì hóa chất đã qua sử dụng mà còn tiếp tục được sử dụng để bảo quản hóa chất. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng vật chứa, bao bì của hóa chất không đảm bảo kín, chắc chắn khi bốc, xếp vận chuyển. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không kiểm tra, làm sạch bao bì, vật chứa hóa chất đã qua sử dụng trước khi nạp hóa chất. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Điều 7. Vi phạm quy định về bảo quản hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất nguy hiểm. 2. Phạt tiền 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tái phạm đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.	5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hoá chất mà không có kho tồn trữ hóa chất. 6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi liên quan đến sản xuất hóa chất cấm như sau: a) Sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở quy mô đơn lẻ không thực hiện trong các thiết bị phản ứng không cấu thành sản xuất liên tục; b) Sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở quy mô đơn lẻ với dung tích của các thiết bị phản ứng vượt quá 100 lít hoặc tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít vượt quá 500 lít; c) Sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở khác với cơ sở quy mô đơn lẻ cho mục đích quốc phòng, an ninh với tổng sản lượng vượt quá 10 kg/năm; d) Sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở khác với cơ sở quy mô đơn lẻ cho mục đích nghiên cứu, y tế hoặc dược phẩm với sản lượng vượt quá 100 gam/năm đối với một hóa chất hoặc tổng sản lượng vượt quá 10 kg/năm; đ) Sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở khác với cơ sở quy mô đơn lẻ cho mục đích thí nghiệm với tổng sản lượng vượt quá 100 gam/năm. 7. Hình thức xử phạt bổ sung Đình chỉ hoạt động kinh doanh hoá chất từ 3 tháng đến 6 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.
Điều 8. Vi phạm quy định về vận chuyển hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi người vận chuyển không cử người áp tải khi vận chuyển hóa chất với khối lượng lớn hơn mức quy định. 2. Mức phạt tiền đối với hành vi thực hiện vận chuyển hóa chất nhưng người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, người áp tải, nhân viên xếp dỡ và thủ kho không đáp ứng yêu cầu về người tham gia vận chuyển hóa chất được quy định như sau:	Điều 31. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động vận chuyển hoá chất 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi trong những hành vi không đáp ứng yêu cầu về phương tiện, thiết bị, bồn chứa đối với hoạt động vận chuyển hoá chất như sau: a) Phương tiện, thiết bị, bồn chứa phục vụ hoạt động vận chuyển hóa chất không đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; không được lựa chọn đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, không đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ phù hợp với chủng loại hóa chất, quy mô vận chuyển hoá chất.

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp với hóa chất vận chuyển theo quy định hiện hành về an toàn lao động cho người tham gia vận chuyển; b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người tham gia vận chuyển không có Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển hóa chất nhưng phương tiện chứa hóa chất mới sản xuất hoặc thuộc loại sử dụng nhiều lần không được thử nghiệm, kiểm định trước khi đóng gói. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thực hiện yêu cầu về đóng gói hóa chất theo quy định phân loại mức đóng gói mà đã đưa vào vận chuyển; b) Không có Phương án ứng cứu khẩn cấp khi vận chuyển hóa chất với khối lượng lớn hơn khối lượng theo quy định. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này.	b) Bồn chứa, vật chứa, bao bì chứa hoá chất không đảm bảo phù hợp với chủng loại hóa chất; độ bền không chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển, chắc chắn và kín. Bao bì đã qua sử dụng không được bảo quản riêng; không thu gom, xử lý các bồn chứa, vật chứa, bao bì đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. c) Bồn chứa, vật chứa, bao bì chứa đựng hoá chất không có cảnh báo, nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất. Nhãn của hoá chất không rõ, dễ đọc và không có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển. d) Không trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân và trang thiết bị ứng phó sự cố hóa chất cho lái xe và người áp tải theo xe phải đúng chủng loại, số lượng, chất lượng đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động. đ) Không kiểm tra phương tiện vận chuyển trước khi vận chuyển hóa chất, để đảm bảo phương tiện tham gia giao thông an toàn; bồn chứa; không làm sạch bao bì, vật chứa hóa chất, không làm sạch bồn chứa, vật chứa, bao bì đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ khi vận chuyển hóa chất. e) Không lưu trữ biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển hóa chất theo phương tiện trong suốt quá trình vận chuyển dưới dạng bản cứng hoặc bản điện tử. 2. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đăng kiểm, kiểm định, cấp phép vận chuyển hoá chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hoá nguy hiểm cho phương tiện, thiết bị, bồn chứa phục vụ hoạt động vận chuyển hóa chất. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.
Điều 9. Vi phạm quy định về nhân lực chuyên môn trong sản xuất, kinh doanh hóa chất 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:	Điều 33. Vi phạm quy định về yêu cầu về chuyên môn trong hoạt động hóa chất 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất không đáp ứng yêu cầu về chuyên môn như sau:

a) Sử dụng người phụ trách về an toàn hóa chất tại cơ sở kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện hoặc hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp không phải là người có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất; b) Sử dụng Giám đốc, Phó Giám đốc kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất đều không có trình độ đào tạo từ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất tại cơ sở sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện hoặc hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất không có trình độ đại học trở lên về hóa học theo danh mục ngành đào tạo được thực hiện các hoạt động an toàn hóa chất được ban hành tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số ... ban hành các danh mục thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hóa chất. b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất, tiêu hủy hóa chất, thải bỏ hóa chất không có trình độ trung cấp trở lên về hóa học theo danh mục ngành đào tạo được thực hiện các hoạt động an toàn hóa chất được ban hành tại Phụ lục ... kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP. c) Không thực hiện quy định tại pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất d) Không thực hiện quy định tại pháp luật về khoa học và công nghệ đối với tổ chức, cá nhân nghiên cứu, thử nghiệm hóa chất. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất. 3. Hình thức xử phạt bổ sung Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, kinh doanh hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất, tiêu hủy hóa chất, thải bỏ hóa chất từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.
Điều 10. Vi phạm quy định về địa điểm kinh doanh hóa chất 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật tại cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh hóa chất tại cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán hóa chất từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	
Điều 11. Vi phạm quy định về huấn luyện an toàn hóa chất	Điều 34. Vi phạm quy định về huấn luyện an toàn hóa chất

1. Mức tiền phạt đối với hành vi không tổ chức hoặc không cử người tham gia các khóa huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ đối với đối tượng nhóm 3 được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 10 người thuộc đối tượng nhóm 3; b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 người đến dưới 50 người thuộc đối tượng nhóm 3; c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 50 người đến dưới 100 người thuộc đối tượng nhóm 3; d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 100 người đến dưới 1.000 người thuộc đối tượng nhóm 3; đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 1.000 người trở lên thuộc đối tượng nhóm 3. 2. Mức tiền phạt đối với hành vi không tổ chức hoặc không cử người tham gia các khóa huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ đối với đối tượng nhóm 1, 2 được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 10 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 người đến dưới 30 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 30 người đến dưới 50 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 50 người đến dưới 100 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 100 người trở lên thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định; b) Tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất không đủ thời gian tối thiểu theo quy định cho các đối tượng thuộc nhóm 1 hoặc nhóm 2 hoặc nhóm 3.	1. Mức tiền phạt đối với hành vi không tổ chức hoặc không cử người tham gia các khóa huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ đối với đối tượng nhóm 3 được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 10 người thuộc đối tượng nhóm 3; b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 người đến dưới 50 người thuộc đối tượng nhóm 3; c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 50 người đến dưới 100 người thuộc đối tượng nhóm 3; d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 100 người đến dưới 1.000 người thuộc đối tượng nhóm 3; đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 1.000 người trở lên thuộc đối tượng nhóm 3. 2. Mức tiền phạt đối với hành vi không tổ chức hoặc không cử người tham gia các khóa huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ đối với đối tượng nhóm 1, 2 được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 10 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 người đến dưới 30 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 30 người đến dưới 50 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 50 người đến dưới 100 người thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2; đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 100 người trở lên thuộc đối tượng nhóm 1 hoặc nhóm 2. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định; b) Tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất không đủ thời gian tối thiểu theo quy định cho các đối tượng thuộc nhóm 1 hoặc nhóm 2 hoặc nhóm 3.
---	---

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ hoặc lưu giữ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất không đủ thời gian quy định là 03 năm. 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi huấn luyện các nội dung về an toàn hóa chất không đúng quy định với từng nhóm đối tượng. 6. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng người huấn luyện an toàn hóa chất không có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất; b) Sử dụng người huấn luyện an toàn hóa chất không có đủ 05 năm kinh nghiệm làm việc về an toàn hóa chất. 7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về kiểm tra để đánh giá kết quả huấn luyện an toàn hóa chất. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3, khoản 5 và 6 Điều này.	4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ hoặc lưu giữ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất không đủ thời gian quy định là 03 năm. 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi huấn luyện các nội dung về an toàn hóa chất không đúng quy định với từng nhóm đối tượng. 6. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng người huấn luyện an toàn hóa chất không có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất; b) Sử dụng người huấn luyện an toàn hóa chất không có đủ 03 năm kinh nghiệm làm việc về an toàn hóa chất. c) Sử dụng đơn vị tư vấn để thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng chỉ tư vấn an toàn hóa chất. 7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về kiểm tra để đánh giá kết quả huấn luyện an toàn hóa chất. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3, khoản 5 và 6 Điều này.
Điều 12. Vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát tiền chất công nghiệp 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không ghi đầy đủ các thông tin theo quy định của pháp luật tại Sổ riêng theo dõi tiền chất công nghiệp trong sản xuất, kinh doanh. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lập Sổ riêng theo dõi tình hình sản xuất, kinh doanh tiền chất công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp quản lý, kiểm soát tiền chất công nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Điều 13. Vi phạm quy định về hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất	

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không bảo quản riêng bao bì, vật chứa hóa chất đã qua sử dụng mà còn tiếp tục được sử dụng để san chiết, đóng gói hóa chất. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi san chiết, đóng gói hóa chất vào vật chứa, bao bì không đảm bảo kín, chắc chắn. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không kiểm tra, làm sạch bao bì, vật chứa hóa chất đã qua sử dụng trước khi san chiết, đóng gói hóa chất; b) Thực hiện san chiết, đóng gói hóa chất tại địa điểm không đảm bảo các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này.	
Mục 2. VI PHẠM VỀ SỬ DỤNG HÓA CHẤT, SỬ DỤNG HÓA CHẤT NGUY HIỂM ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM, HÀNG HÓA KHÁC Điều 14. Vi phạm quy định an toàn đối với hóa chất nguy hiểm 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không có bảng nội quy về an toàn hóa chất tại nơi sử dụng, cất giữ hóa chất nguy hiểm; b) Không bố trí hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất tại nơi sử dụng, cất giữ hóa chất nguy hiểm; c) Không thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm của hóa chất trong biểu trưng cảnh báo đối với hóa chất nguy hiểm có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có nơi cất giữ hóa chất nguy hiểm để sử dụng. Điều 15. Vi phạm quy định về lưu trữ thông tin, nhân lực, huấn luyện an toàn hóa chất trong sử dụng hóa chất, sử dụng hóa chất nguy hiểm	

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không đảm bảo thời gian lưu trữ các thông tin về sử dụng hóa chất tối thiểu là 03 năm, kể từ ngày kết thúc hoạt động với hóa chất đó. b) Không lưu trữ đầy đủ các nội dung thông tin về sử dụng hóa chất, gồm: Tên khoa học, tên thương mại của hóa chất; khối lượng sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, thải bỏ; mục đích sử dụng, phân nhóm nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất; thông tin liên quan đến sự cố hóa chất, an toàn hóa chất tại cơ sở. Trong trường hợp cơ sở hoạt động hóa chất có nhiều chi nhánh thì dữ liệu thông tin hóa chất phải bao gồm tất cả các thông tin có liên quan của cơ sở, các chi nhánh. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ các thông tin về hóa chất được sử dụng để sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác. 2a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có người chuyên trách về an toàn hóa chất tại cơ sở sử dụng hóa chất để sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác. 3. Áp dụng quy định về hành vi vi phạm, mức phạt, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 11 Nghị định này để xử phạt vi phạm về huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động trong cơ sở sử dụng hóa chất, sử dụng hóa chất nguy hiểm.	
Mục 3. VI PHẠM HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP; GIẤY PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT HẠN CHẾ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP; GIẤY PHÉP XUẤT NHẬP KHẨU TIỀN CHẤT CÔNG NGHIỆP Điều 16. Vi phạm quy định về hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận	Điều 16. Vi phạm quy định về hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận

đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp không thực hiện quy định về cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất khi có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của cá nhân, tổ chức. 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh không đúng địa điểm, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả:	đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp không thực hiện quy định về cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất khi có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của cá nhân, tổ chức. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh không đúng địa điểm, vượt quy mô sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. b) Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh
--	---

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều này.	hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này.
Điều 17. Vi phạm quy định về hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quy định về cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp khi có thay đổi về thông tin của cá nhân, tổ chức. 5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh không đúng địa điểm, quy mô, chủng loại hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ghi trong Giấy phép	Điều 17. Vi phạm quy định về hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quy định về cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi có thay đổi về thông tin của cá nhân, tổ chức. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh không đúng địa điểm, vượt quy mô hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp ghi trong Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp mà không có Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong

sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp mà không có Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp hoặc tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều này.	thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. b) Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh theo Giấy phép sản xuất, kinh doanh, sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này.
	Điều 17. Vi phạm quy định về hoạt động sản xuất theo Giấy phép sản xuất hóa chất cấm 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép sản xuất hóa chất cấm. 2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

	3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quy định về cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất cấm khi có thay đổi về thông tin của cá nhân, tổ chức. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất không đúng địa điểm, vượt quy mô hóa chất cấm ghi trong Giấy phép sản xuất hóa chất cấm. 5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hóa chất cấm mà không có Giấy phép sản xuất hóa chất cấm hoặc tiếp tục hoạt động sản xuất hóa chất cấm trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất hóa chất cấm. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất hóa chất cấm từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. b) Đình chỉ hoạt động sản xuất theo Giấy phép sản xuất hóa chất cấm từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hóa chất cấm vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy phép sản xuất hóa chất cấm bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này.
	Điều 19. Vi phạm quy định về hoạt động tồn trữ theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

	b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp không thực hiện quy định về cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của cá nhân, tổ chức. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tồn trữ không đúng địa điểm, vượt quy mô hóa chất ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất. 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hoạt động dịch vụ tồn trữ hoá chất mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất hoặc tiếp tục hoạt động dịch vụ tồn trữ hoá chất trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động dịch vụ tồn trữ hoá chất, tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này.
Điều 18. Vi phạm quy định về kiểm soát hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất để sử dụng nhưng không đảm bảo các quy định về sử dụng hóa chất nguy hiểm.	Điều 20. Vi phạm quy định về kiểm soát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất để sử dụng nhưng không đảm bảo các quy định về sử dụng hóa chất nguy hiểm. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất để kinh

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bán hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất để kinh doanh nhưng không đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp theo quy định. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	doanh nhưng không đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo quy định. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.
	Điều 22. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện, hoá chất cần kiểm soát đặc biệt 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi công bố sai mục đích sử dụng hoặc công bố thiếu thông tin theo quy định khi thực hiện nhập khẩu hóa chất có điều kiện, hoá chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích sử dụng. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công bố khi thực hiện nhập khẩu hóa chất có điều kiện, hoá chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích sử dụng. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện, hoá chất cần kiểm soát đặc biệt với mục đích kinh doanh mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện hoặc Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. 4. Hình thức xử phạt bổ sung Đình chỉ hoạt động nhập khẩu hóa chất vi phạm từ 1 tháng đến 3 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.
Điều 19. Vi phạm quy định về hoạt động của Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp.	Điều 23. Vi phạm quy định về hoạt động của Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoá chất cần kiểm soát đặc biệt 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoá chất cần kiểm soát đặc biệt.

2. Mức phạt tiền đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp nhưng không có Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đã hết thời hạn được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là tiền chất công nghiệp vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là tiền chất công nghiệp vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là tiền chất công nghiệp vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là tiền chất công nghiệp vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là tiền chất công nghiệp vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất tiền chất công nghiệp nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	2. Mức phạt tiền đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhưng không có Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đã hết thời hạn được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là hóa chất cần kiểm soát đặc biệt vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là hóa chất cần kiểm soát đặc biệt vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là hóa chất cần kiểm soát đặc biệt vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là hóa chất cần kiểm soát đặc biệt vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa là hóa chất cần kiểm soát đặc biệt vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoá chất cần kiểm soát đặc biệt bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất tiền chất công nghiệp nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không thực hiện được biện pháp khắc phục hậu quả này đối với toàn tiền chất đã nhập khẩu, buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm. c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trừ trường quy định tại điểm b khoản này.
	Điều 24. Vi phạm quy định về công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng

	1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi về công bố trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất khi sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sản xuất hàng hóa, dịch vụ như sau: a) Công bố thiếu thông tin về loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất; b) Công bố sai loại hoá chất hoặc sai mục đích sử dụng hoá chất; c) Công bố muộn hơn 30 ngày kể từ ngày đưa hóa chất vào sử dụng lần đầu hoặc khi thay đổi mục đích sử dụng đã công bố. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không công bố thông tin trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất khi sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sản xuất hàng hóa, dịch vụ. 3. Hình thức xử phạt bổ sung Đình chỉ hoạt động sử dụng hoá chất vi phạm từ 3 tháng đến 6 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.
	Điều 25. Vi phạm quy định về chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây: a) Cập nhật tình hình hoạt động hóa chất của năm trước vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất hoặc gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoặc gửi cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh nơi tiến hành hoạt động hóa chất muộn hơn ngày 15 tháng 02 hàng năm; b) Cập nhật tình hình thực hiện dự án trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất muộn hơn 15 ngày làm việc theo tiến độ từng giai đoạn đầu tư xây dựng của chủ đầu tư dự án hóa chất trong giai đoạn trước khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng; c) Cập nhật tình hình hoạt động hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất muộn hơn 15 ngày sau khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất hoặc chấm dứt hoạt động hóa chất hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây: a) Cập nhật thông tin không đầy đủ hoặc không đúng thực tế đối với tình hình hoạt động hóa chất của năm trước trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

	hóa chất hoặc trong báo cáo gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoặc trong báo cáo gửi cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh; b) Cập nhật thông tin không đầy đủ hoặc không đúng thực tế trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đối với tình hình thực hiện dự án theo tiến độ từng giai đoạn đầu tư xây dựng của chủ đầu tư dự án hóa chất trong giai đoạn trước khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng; c) Cập nhật thông tin không đầy đủ hoặc không đúng thực tế trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đối với tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ hàng năm của chủ đầu tư dự án hóa chất sau khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng; d) Cập nhật thông tin không đầy đủ hoặc không đúng thực tế trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đối với tình hình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm. đ) Cập nhật thông tin không đầy đủ hoặc không đúng thực tế trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đối với tình hình hoạt động hóa chất khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất, chấm dứt hoạt động hóa chất hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây: a) Không cập nhật tình hình hoạt động hóa chất của năm trước trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất hoặc gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoặc gửi cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh; b) Không cập nhật tình hình thực hiện dự án theo tiến độ từng giai đoạn đầu tư xây dựng của chủ đầu tư dự án hóa chất trong giai đoạn trước khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng; c) Không cập nhật tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ hàng năm của chủ đầu tư dự án hóa chất sau khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; d) Không cập nhật tình hình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất. đ) Không cập nhật tình hình hoạt động hóa chất khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất, chấm dứt hoạt động hóa chất hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.
--	---

	Điều 28. Vi phạm quy định về đăng ký hoá chất mới và quản lý hoá chất mới 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quá trình hoạt động với hóa chất mới trước ngày 15 tháng 02 hằng năm trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hóa chất mới được đăng ký. 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký hoá chất mới trước khi đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy hoá chất vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.
Mục 4. VI PHẠM HÀM LƯỢNG CHO PHÉP CỦA HÓA CHẤT ĐỘC HẠI TRONG SẢN PHẨM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ; VI PHẠM VỀ PHIẾU KIỂM SOÁT MUA, BÁN HÓA CHẤT ĐỘC Điều 20. Vi phạm quy định về hàm lượng cho phép của hóa chất độc hại đối với sản phẩm điện, điện tử trong sản xuất, nhập khẩu 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ tài liệu về giới hạn hàm lượng cho phép của hóa chất độc hại theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không công bố thông tin về giới hạn hàm lượng cho phép của hóa chất độc hại theo quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng tài liệu về giới hạn hàm lượng cho phép của hóa chất độc hại theo quy định. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu sản phẩm điện, điện tử có hàm lượng hóa chất độc hại vượt quá giới hạn hàm lượng cho phép theo quy định. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc tái chế sản phẩm điện, điện tử sản xuất trong nước có hàm lượng hóa chất độc hại vượt quá giới hạn hàm lượng cho phép đối với hành vi vi	Mục 3. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOÁ CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ Điều 29. Vi phạm quy định về kiểm soát hoá chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây trong Quy trình kiểm soát hoá chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm: a) Không có nội dung giám sát thành phần, hàm lượng hoá chất nguy hiểm trong nguyên liệu đầu vào; b) Không có nội dung giám sát thành phần, hàm lượng hoá chất nguy hiểm phát thải trong quá trình sản xuất; c) Không có nội dung giám sát thành phần, hàm lượng hoá chất nguy hiểm trong sản phẩm cuối; d) Không có nội dung tránh làm thất thoát hoá chất nguy hiểm. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành Quy trình kiểm soát hoá chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Quy trình kiểm soát hoá chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm. 4. Hình thức xử phạt bổ sung

phạm quy định tại khoản 4 Điều này, trường hợp không tái chế được buộc tiêu hủy; b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất sản phẩm điện, điện tử nhập khẩu có hàm lượng hóa chất độc hại vượt quá giới hạn hàm lượng cho phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này, trường hợp không tái xuất được buộc tiêu hủy.	Đình chỉ hoạt động sử dụng hoá chất vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. Điều 30. Vi phạm quy định về công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây: a) Khai báo thiếu hoặc không chính xác hoặc không được xác thực bởi Phòng thử nghiệm đáp ứng yêu cầu tại khoản 5 Điều 31 Luật Hoá chất 69/2025/QH15 đối với các thông tin sau đây lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoá chất (khai báo theo lô hàng sản xuất hoặc nhập khẩu): - Tên sản phẩm, hàng hoá chứa hoá chất nguy hiểm; - Tên hoá chất nguy hiểm; - Đặc tính nguy hiểm của hoá chất; - Hàm lượng; - Lĩnh vực sử dụng của sản phẩm chứa hoá chất nguy hiểm. b) Công bố thiếu thông tin hoặc công bố thông tin không chính xác về thành phần và hàm lượng hoá chất nguy hiểm và khuyến cáo hạn chế sử dụng đối với cửa sản phẩm, hàng hoá chứa hoá chất nguy hiểm, thể hiện trên nhãn hàng hoá hoặc trang thông tin điện tử về sản phẩm, hàng hoá. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi trong các hành vi sau đây: a) Không khai báo thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoá chất (khai báo theo lô hàng sản xuất hoặc nhập khẩu); b) Không công bố thông tin về thành phần và hàm lượng hoá chất nguy hiểm và khuyến cáo hạn chế sử dụng đối với cửa sản phẩm, hàng hoá chứa hoá chất nguy hiểm, thể hiện trên nhãn hàng hoá hoặc trang thông tin điện tử về sản phẩm, hàng hoá. c) Không lưu giữ hồ sơ hoặc không xuất trình hồ sơ chứng minh tính xác thực (ví dụ kết quả thí nghiệm,...) của các thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa trước khi đưa sản phẩm, hàng hoá chứa hoá chất nguy hiểm ra lưu thông trên thị trường.
Điều 21. Vi phạm quy định về Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc	

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc không có xác nhận của bên mua hoặc bên bán; b) Không có đầy đủ các thông tin theo quy định đối với mỗi Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc: Tên hóa chất, số lượng hóa chất, mục đích sử dụng; tên, chữ ký của người mua hoặc người bán; địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân của người đại diện bên mua hoặc bên bán; ngày giao hàng. 2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ mỗi Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc theo quy định đối với hóa chất độc. 3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi mua bán hóa chất độc không có Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc.	
Mục 5. VI PHẠM VỀ PHÂN LOẠI HÓA CHẤT, PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT, KHAI BÁO HÓA CHẤT NHẬP KHẨU Điều 22. Vi phạm quy định về phân loại hóa chất 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) từ phiên bản 2 năm 2007 trở đi để phân loại hóa chất. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đưa hóa chất sản xuất trong nước hoặc hóa chất nhập khẩu vào sử dụng, lưu thông trên thị trường nhưng không thực hiện phân loại hóa chất theo quy định. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thu hồi hóa chất sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu đã đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường nhưng chưa được phân loại đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	Điều 26. Vi phạm quy định về phân loại hóa chất 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) từ phiên bản 2 năm 2007 trở đi để phân loại hóa chất. 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi đưa hóa chất sản xuất trong nước hoặc hóa chất nhập khẩu vào sử dụng, lưu thông trên thị trường nhưng không thực hiện phân loại hóa chất theo quy định. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thu hồi hóa chất sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu đã đưa vào lưu thông trên thị trường nhưng chưa được phân loại đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.
Điều 23. Vi phạm quy định về Phiếu an toàn hóa chất 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng thiếu mỗi nội dung bắt buộc của mỗi Phiếu an toàn hóa chất. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin sai sự thật về hóa chất nguy hiểm trong Phiếu an toàn hóa chất.	Điều 26. Vi phạm quy định về Phiếu an toàn hóa chất 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng thiếu mỗi nội dung bắt buộc của mỗi Phiếu an toàn hóa chất. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin sai sự thật về hóa chất nguy hiểm trong Phiếu an toàn hóa chất.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp Phiếu an toàn hóa chất cho cá nhân, tổ chức sử dụng hóa chất nguy hiểm để sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập Phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt cho hóa chất nguy hiểm mà đã đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả; a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật trong Phiếu an toàn hóa chất đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Buộc thu hồi hóa chất sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu đã đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường nhưng không lập Phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.	3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp Phiếu an toàn hóa chất cho cá nhân, tổ chức sử dụng hóa chất nguy hiểm để sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập Phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt cho hóa chất nguy hiểm mà đã đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật trong Phiếu an toàn hóa chất đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Buộc thu hồi hóa chất sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu đã đưa vào lưu thông trên thị trường nhưng không lập Phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.
Điều 24. Vi phạm quy định về khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không đính kèm hóa đơn mua, bán hóa chất hoặc Giấy báo hàng về cảng đối với trường hợp nhập khẩu phi thương mại của đúng hóa chất nhập khẩu khi thực hiện khai báo; b) Không đính kèm Phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt có đầy đủ thông tin theo quy định của hóa chất nhập khẩu khi thực hiện khai báo. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng thông tin về hóa chất nhập khẩu tại Bản khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.. 3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. 4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. 5. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo thời gian lưu trữ bộ hồ sơ khai báo hóa chất nhập khẩu tối thiểu là 05 năm theo quy định. 6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ bộ hồ sơ khai báo hóa chất nhập khẩu theo quy định.	Điều 20. Vi phạm quy định về khai báo hóa chất nhập khẩu 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Khai báo không chính xác các thông tin theo biểu mẫu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các văn bản, chứng từ, dữ liệu điện tử trong bộ hồ sơ khai báo hóa chất qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Cập nhật số liệu lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất chậm hơn 30 ngày kể từ ngày thực hiện nhập khẩu hoá chất. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi khi thực hiện khai báo hoá chất nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia sau đây: a) Không đính kèm hóa đơn mua, bán hóa chất bản gốc và bản dịch tiếng Việt hoặc không đính kèm giấy báo hàng về cảng thay cho hóa đơn thương mại trong trường hợp đối với mặt hàng phi thương mại không có hóa đơn mua bán hóa chất; b) Không đính kèm Phiếu an toàn hóa chất tiếng Việt; c) Không cập nhật số liệu lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất sau khi thực hiện nhập khẩu hoá chất. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện khai báo hoá chất nhập khẩu hoặc cố tình khai không đúng thông tin về hóa chất để được miễn khai báo hoá chất nhập khẩu.

6a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu theo quy định. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ việc nhập khẩu hóa chất từ 01 tháng đến 03 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 6a Điều này.	4. Hình thức xử phạt bổ sung Đình chỉ hoạt động nhập khẩu hoá chất từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả Buộc tiêu huỷ hoặc tái xuất hoá chất đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.
	Mục 4 VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT Điều 31. Vi phạm quy định về bảo đảm yêu cầu về cơ sở vật chất - kỹ thuật trong hoạt động hóa chất 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thiết kế, xây dựng nhà xưởng, kho chứa đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với đặc tính của hóa chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi trong những hành vi không đáp ứng yêu cầu về thiết bị, phương tiện sản xuất, bao bì, thiết bị chứa đối với hoạt động hóa chất như sau: a) Không lựa chọn thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất hóa chất đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ; b) Thiết bị kỹ thuật không đảm bảo yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với chủng loại hóa chất đối c) Quy trình công nghệ không đáp ứng được công suất sản xuất, quy mô kinh doanh, tồn trữ hóa chất. d) Không kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm; đ) Bao bì, thiết bị chứa không đảm bảo phù hợp với chủng loại hóa chất, không có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển, chắc chắn và kín. e) Không bảo quản riêng bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng.

	g) Không kiểm tra bao bì, thiết bị chứa hóa chất, không làm sạch bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ trước nạp hóa chất. h) Không thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại; i) Không nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất đối với bao bì, thiết bị chứa hóa chất k) Nhãn của hóa chất không rõ, không dễ đọc và không chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi trong những hành vi không đáp ứng yêu cầu về thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, phương tiện bảo hộ cá nhân trong hoạt động hóa chất như sau: a) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà xưởng, kho chứa không đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy; b) Trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất không đáp ứng đúng và đủ theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành tại cơ sở hóa chất; c) Trang bị bảo hộ cá nhân không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo an toàn theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hóa chất cho nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt thiết yếu.
Mục 6. VI PHẠM BIỆN PHÁP, KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT Điều 25. Vi phạm quy định về thực hiện yêu cầu của kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Điều 35. Vi phạm quy định về thực hiện yêu cầu của kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Mức phạt tiền đối với hành vi không thực hiện đúng các nội dung đề ra trong biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành, được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị công nghệ, trừ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận trước ngày 28 tháng 12 năm 2017; b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các giải pháp phòng ngừa liên quan đến công nghệ, thiết kế, trang thiết bị phục vụ sản xuất; c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố; d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo số lượng, duy trì hoạt động hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hóa chất, hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố hóa chất phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất tại khu vực sản xuất, kinh doanh và cất giữ hóa chất nguy hiểm theo biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được chủ đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh hóa chất xây dựng. 2. Mức phạt tiền đối với hành vi không thực hiện đúng các yêu cầu đề ra trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt, được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị công nghệ; b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các giải pháp phòng ngừa liên quan đến công nghệ, thiết kế, trang thiết bị phục vụ sản xuất; c) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố; d) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức huấn luyện, thực hành cho lực lượng ứng phó tại chỗ hoặc	1. Mức phạt tiền đối với hành vi không thực hiện đúng các nội dung đề ra trong biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành, được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị công nghệ, trừ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận trước ngày 28 tháng 12 năm 2017; b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các giải pháp phòng ngừa liên quan đến công nghệ, thiết kế, trang thiết bị phục vụ sản xuất; c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố; d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo số lượng, duy trì hoạt động hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hóa chất, hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố hóa chất phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất tại khu vực sản xuất, kinh doanh và cất giữ hóa chất nguy hiểm theo biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được chủ đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh hóa chất xây dựng. 2. Mức phạt tiền đối với hành vi không thực hiện đúng các yêu cầu đề ra trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt, được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị công nghệ; b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các giải pháp phòng ngừa liên quan đến công nghệ, thiết kế, trang thiết bị phục vụ sản xuất; c) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố; d) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức huấn luyện, thực hành cho lực lượng ứng phó tại chỗ hoặc
---	---

không tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất hàng năm đã được xây dựng trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt; đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo số lượng, duy trì hoạt động hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hóa chất, hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp; e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố hóa chất phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất tại khu vực sản xuất, kinh doanh và cất giữ hóa chất nguy hiểm theo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.	không tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất hàng năm đã được xây dựng trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt; đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo số lượng, duy trì hoạt động hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hóa chất, hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp; e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố hóa chất phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất tại khu vực sản xuất, kinh doanh và cất giữ hóa chất nguy hiểm theo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nếu xảy ra tình trạng mất an toàn về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.
Điều 26. Vi phạm quy định về khối lượng tồn trữ hóa chất nguy hiểm 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm chưa kê khai trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành; b) Lưu trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm không thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất chưa kê khai trong kế hoạch hoặc lưu trữ với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong kế hoạch được phê duyệt, trừ các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa	Điều 36. Vi phạm quy định về khối lượng tồn trữ hóa chất nguy hiểm kê khai trong kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm chưa kê khai trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành; b) Lưu trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm không thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất chưa kê khai trong kế hoạch hoặc lưu trữ với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong kế hoạch được phê duyệt, trừ các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa

chất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 28 tháng 12 năm 2017. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất chưa kê khai trong kế hoạch hoặc lưu trữ với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm thuộc và không thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất chưa kê khai trong kế hoạch hoặc lưu trữ với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong kế hoạch được phê duyệt, trừ các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 28 tháng 12 năm 2017.	chất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2026. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất chưa kê khai trong kế hoạch hoặc lưu trữ với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tồn trữ các loại hóa chất nguy hiểm là nguyên liệu, hóa chất trung gian và hóa chất thành phẩm thuộc và không thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất chưa kê khai trong kế hoạch hoặc lưu trữ với khối lượng tồn trữ lớn hơn khối lượng đã kê khai trong kế hoạch được phê duyệt, trừ các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.
Điều 27. Vi phạm quy định về xây dựng Biện pháp, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất 1. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi gửi Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và Quyết định ban hành Biện pháp chậm quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định ban hành Biện pháp đến Sở Công Thương tỉnh, thành phố nơi xây dựng dự án hoạt động hóa chất để giám sát, quản lý; b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng thiếu mỗi nội dung bắt buộc của Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không gửi Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công	Điều 37. Vi phạm quy định về xây dựng Biện pháp, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất 1. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gửi Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và Quyết định ban hành Biện pháp chậm quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định ban hành Biện pháp đến Sở Công Thương tỉnh, thành phố nơi xây dựng dự án hoạt động hóa chất để giám sát, quản lý; báo cáo nội dung Biện pháp chậm quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định ban hành Biện pháp lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng thiếu mỗi nội dung bắt buộc của Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không gửi Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và Quyết định ban hành Biện pháp đến Sở Công Thương tỉnh, thành

nghiệp và Quyết định ban hành Biện pháp đến Sở Công Thương tỉnh, thành phố nơi xây dựng dự án hoạt động hóa chất để giám sát, quản lý; d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành tại cơ sở hóa chất làm căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi đã xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng không ra quyết định ban hành Biện pháp mà vẫn đưa dự án vào hoạt động; e) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện bổ sung, chỉnh sửa Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Biện pháp; g) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất mà vẫn đưa dự án vào hoạt động. 2. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt tại cơ sở hóa chất làm căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu; b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng đối với hành vi có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Kế hoạch đã được phê duyệt mà tổ chức, cá nhân không gửi báo cáo về Bộ Công Thương xem xét, quyết định; c) Phạt tiền từ 17.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng chưa được cơ	phố nơi xây dựng dự án hoạt động hóa chất để giám sát, quản lý; không báo cáo Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và Quyết định ban hành Biện pháp lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất. d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành tại cơ sở hóa chất làm căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu; đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi đã xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng không ra quyết định ban hành Biện pháp mà vẫn đưa dự án vào hoạt động; e) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện bổ sung, chỉnh sửa Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư, vận chuyển hóa chất và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Biện pháp; g) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất mà vẫn đưa dự án vào hoạt động hoặc vẫn thực hiện hoạt động vận chuyển hóa chất. 2. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định như sau: a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt tại cơ sở hóa chất làm căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu; b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng đối với hành vi có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Kế hoạch đã được phê duyệt mà tổ chức, cá nhân không gửi báo cáo về Bộ Công Thương xem xét, quyết định; c) Phạt tiền từ 17.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng chưa được cơ
--	--

quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt mà vẫn đưa dự án vào hoạt động;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng và cất giữ hóa chất nguy hiểm mà vẫn đưa dự án vào hoạt động.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh hoặc sử dụng hóa chất nguy hiểm từ 01 tháng đến 03 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều này.

quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt mà vẫn đưa dự án vào hoạt động;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng và cất giữ hóa chất nguy hiểm mà vẫn đưa dự án vào hoạt động.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh hoặc sử dụng hóa chất nguy hiểm từ 01 tháng đến 03 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều này.

Mục 7. VI PHẠM VỀ NỘI DUNG, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 28. Vi phạm quy định về nội dung báo cáo

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo đầy đủ các nội dung về tình hình hoạt động hóa chất theo quy định đối với tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng về tình hình sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất của đơn vị mình.

Điều 29. Vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện báo cáo tổng hợp về tình hình hoạt động hóa chất hằng năm không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động hóa chất mà không thực hiện chế độ báo cáo tổng hợp về tình hình hoạt động hóa chất hằng năm thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia (chemicaldata.gov.vn) theo quy định hoặc không thực hiện chế độ báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động hóa chất khi có sự cố xảy ra, khi chấm dứt hoạt động hóa chất hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 8. VI PHẠM SẢN XUẤT, XUẤT NHẬP KHẨU, KHAI BÁO, THANH SÁT HÓA CHẤT BẢNG

Điều 30. Vi phạm quy định về điều kiện sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất mà không được đào tạo, huấn luyện về an toàn hóa chất trong cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giám đốc hoặc Phó giám đốc kỹ thuật không có trình độ đào tạo từ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất hoặc sử dụng đội ngũ quản lý, kỹ thuật, điều hành không có trình độ chuyên môn về hóa chất tại cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF không đúng với nội dung của văn bản cam kết.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất Bảng 1 từ 01 tháng đến 03 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về hoạt động sản xuất theo Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF;

b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất không đúng địa điểm, loại hóa chất ghi trong Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF mà không có Giấy phép sản xuất theo quy định hoặc tiếp tục hoạt động sản xuất hóa chất trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF từ 01 tháng đến 03 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và 4 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về hoạt động của Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3

Điều 32. Vi phạm quy định về hoạt động của Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

2. Mức phạt tiền đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 nhưng không có Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu được quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp hóa chất vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hóa chất vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hóa chất vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hóa chất vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hóa chất vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.43 (được bãi bỏ)

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định về khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng thời hạn quy định đối với hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng với thực tế sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện khai báo đối với hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về khai báo xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng thời hạn quy định đối với hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng với thực tế xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện khai báo xuất khẩu, nhập khẩu đối với hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc kiểm chứng số liệu xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 do Tổ chức Cấm vũ khí hóa học hoặc Bộ Công Thương phối hợp cùng Cơ quan quốc gia Việt Nam tiến hành.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 35. Vi phạm quy định về lưu giữ thông tin, danh sách khách hàng đối với hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo thời gian lưu giữ tối thiểu các thông tin, danh sách khách hàng của hóa chất Bảng 1 là 05 năm, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF là 02 năm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ các thông tin, danh sách khách hàng của hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về thanh sát cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí cán bộ không có thẩm quyền hoặc không am hiểu về hoạt động của cơ sở hóa chất Bảng để làm việc với Đội Thanh sát của Tổ chức cấm vũ khí hóa học;

b) Chuẩn bị không đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, sơ đồ, bản vẽ, sổ sách cần thiết để làm việc với Đội Thanh sát.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ hướng dẫn của Đội hộ tổng trong quá trình tiến hành thanh sát tại cơ sở.

Mục 5
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KHAI BÁO, THANH SÁT HÓA CHẤT BẢNG
Điều 38. Vi phạm quy định về khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1

	1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng thời hạn quy định đối với hóa chất Bảng 1 2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng với thực tế sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện khai báo đối với hóa chất Bảng 1. 4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1 từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. Điều 39. Vi phạm quy định về khai báo xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng thời hạn quy định đối với hóa chất Bảng 1. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đúng với thực tế xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện khai báo xuất khẩu, nhập khẩu đối với hóa chất Bảng 1. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc kiểm chứng số liệu xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 do Tổ chức Cẩm vũ khí hóa học hoặc Bộ Công Thương phối hợp cùng Cơ quan quốc gia Việt Nam tiến hành. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 1 từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này. Điều 40. Vi phạm quy định về lưu giữ thông tin, danh sách khách hàng đối với hóa chất Bảng 1 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo thời gian lưu giữ tối thiểu các thông tin, danh sách khách hàng của hóa chất Bảng 1 là 05 năm.
--	---

	2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ các thông tin, danh sách khách hàng của hóa chất Bảng 1 theo quy định. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 1 từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. Điều 41. Vi phạm quy định về thanh sát cơ sở hóa chất Bảng 1 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Bố trí cán bộ không có thẩm quyền hoặc không am hiểu về hoạt động của cơ sở hóa chất Bảng để làm việc với Đội Thanh sát của Tổ chức cấm vũ khí hóa học; b) Chuẩn bị không đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, sơ đồ, bản vẽ, sổ sách cần thiết để làm việc với Đội Thanh sát. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ hướng dẫn của Đội hộ tống trong quá trình tiến hành thanh sát tại cơ sở.
Mục 9. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN Điều 37. Vi phạm quy định về điều kiện sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có người chuyên trách về an toàn hóa chất có trình độ từ trung cấp trở lên về hóa học làm việc toàn thời gian tại cơ sở sản xuất; b) Không có phòng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm được thành phần và hàm lượng hoạt chất của chế phẩm do cơ sở sản xuất hoặc hợp đồng thuê cơ sở kiểm nghiệm có đủ năng lực theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:	Mục 6 VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN Điều 42. Vi phạm quy định về điều kiện sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có người chuyên trách về an toàn hóa chất có trình độ từ trung cấp trở lên về hóa học làm việc toàn thời gian tại cơ sở sản xuất; b) Không có phòng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm được thành phần và hàm lượng hoạt chất của chế phẩm do cơ sở sản xuất hoặc hợp đồng thuê cơ sở kiểm nghiệm có đủ năng lực theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất khi có một trong những thay đổi về diện tích nhà xưởng, kho trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất và ứng cứu sự cố hóa chất, chế phẩm và tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ hoặc không thực hiện thủ tục công bố lại đủ điều kiện sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;

b) Sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà không có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Áp dụng quy định về hành vi vi phạm, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 5 Nghị định này để xử phạt vi phạm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không lưu kết quả kiểm nghiệm thành phần và hàm lượng hoạt chất của hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn do cơ sở sản xuất đối với mỗi lô chế phẩm trước khi xuất xưởng bằng thời hạn sử dụng của lô chế phẩm đó.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không lưu kết quả kiểm nghiệm thành phần và hàm lượng hoạt chất của hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn do cơ sở sản xuất đối với mỗi lô chế phẩm trước khi xuất xưởng.

a) Không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất khi có một trong những thay đổi về diện tích nhà xưởng, kho trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất và ứng cứu sự cố hóa chất, chế phẩm và tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ hoặc không thực hiện thủ tục công bố lại đủ điều kiện sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;

b) Sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà không có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Áp dụng quy định về hành vi vi phạm, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 5 Nghị định này để xử phạt vi phạm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 43. Vi phạm quy định về sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không lưu kết quả kiểm nghiệm thành phần và hàm lượng hoạt chất của hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn do cơ sở sản xuất đối với mỗi lô chế phẩm trước khi xuất xưởng bằng thời hạn sử dụng của lô chế phẩm đó.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không lưu kết quả kiểm nghiệm thành phần và hàm lượng hoạt chất của hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn do cơ sở sản xuất đối với mỗi lô chế phẩm trước khi xuất xưởng.

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 05 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc lít); c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 20 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 100 kilôgam (hoặc lít); d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 100 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 300 kilôgam (hoặc lít); đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 300 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 500 kilôgam (hoặc lít); e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 500 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 1.000 kilôgam (hoặc lít); g) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 1.000 kilôgam (hoặc lít) trở lên. 5. Các hành vi sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam do Bộ Y tế cấp; sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn có chứa hoạt chất nằm trong Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này.	b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 05 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc lít); c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 20 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 100 kilôgam (hoặc lít); d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 100 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 300 kilôgam (hoặc lít); đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 300 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 500 kilôgam (hoặc lít); e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 500 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 1.000 kilôgam (hoặc lít); g) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp sản xuất mỗi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn mà tổng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra từ 1.000 kilôgam (hoặc lít) trở lên. 5. Các hành vi sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam do Bộ Y tế cấp; sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn có chứa hoạt chất nằm trong Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này.
---	---

7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc thu hồi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này; b) Buộc tái chế chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế còn có khả năng tái chế. Trong trường hợp không tái chế được thì buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; c) Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. Điều 39. Vi phạm quy định về điều kiện mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có người phụ trách về an toàn hóa chất có trình độ trung cấp trở lên về hóa học; b) Nơi bày bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn không tách biệt với nơi bày bán các loại thực phẩm; c) Điều kiện bảo quản chế phẩm không đáp ứng một trong các điều kiện yêu cầu bảo quản ghi trên nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; d) Trang thiết bị sơ cấp cứu không đáp ứng yêu cầu sơ cấp cứu ghi trên nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bị sơ cấp cứu theo yêu cầu ghi trên nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.	7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc thu hồi chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này; b) Buộc tái chế chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế còn có khả năng tái chế. Trong trường hợp không tái chế được thì buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; c) Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. Điều 44. Vi phạm quy định về điều kiện mua, bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có người phụ trách về an toàn hóa chất có trình độ trung cấp trở lên về hóa học; b) Nơi bày bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn không tách biệt với nơi bày bán các loại thực phẩm; c) Điều kiện bảo quản chế phẩm không đáp ứng một trong các điều kiện yêu cầu bảo quản ghi trên nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; d) Trang thiết bị sơ cấp cứu không đáp ứng yêu cầu sơ cấp cứu ghi trên nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bị sơ cấp cứu theo yêu cầu ghi trên nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động mua, bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.
--	--

Điều 40. Vi phạm quy định về điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm chủ cơ sở không tổ chức tập huấn cho người trực tiếp thực hiện diệt côn trùng, diệt khuẩn về một trong các nội dung sau:

- a) Cách đọc thông tin trên nhãn hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
- b) Kỹ thuật diệt côn trùng, diệt khuẩn phù hợp với dịch vụ mà cơ sở cung cấp;
- c) Sử dụng và thải bỏ an toàn hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
- d) Cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm khi có một trong những thay đổi về điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng theo quy định của pháp luật;
- b) Không thực hiện thủ tục công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm;
- c) Cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm nhưng không có Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này;
- b) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Điều 45. Vi phạm quy định về điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm chủ cơ sở không tổ chức tập huấn cho người trực tiếp thực hiện diệt côn trùng, diệt khuẩn về một trong các nội dung sau:

- a) Cách đọc thông tin trên nhãn hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
- b) Kỹ thuật diệt côn trùng, diệt khuẩn phù hợp với dịch vụ mà cơ sở cung cấp;
- c) Sử dụng và thải bỏ an toàn hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
- d) Cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm khi có một trong những thay đổi về điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng theo quy định của pháp luật;
- b) Không thực hiện thủ tục công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm;
- c) Cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm nhưng không có Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này;
- b) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này.

Điều 41. Vi phạm quy định về mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp đầy đủ thông tin hoặc cung cấp sai về các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dẫn đến việc sử dụng không đảm bảo an toàn gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường.

2. Phạt tiền đối với hành vi mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đã quá thời hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

3. Các hành vi mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam do Bộ Y tế cấp; mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn có chứa hoạt chất nằm trong Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động mua bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi và tiêu hủy chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 42. Vi phạm quy định về nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Hành vi nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp; nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chứa hoạt chất nằm

Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này.

Điều 46. Vi phạm quy định về mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp đầy đủ thông tin hoặc cung cấp sai về các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dẫn đến việc sử dụng không đảm bảo an toàn gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường.

2. Phạt tiền đối với hành vi mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đã quá thời hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định này.

3. Các hành vi mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam do Bộ Y tế cấp; mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn có chứa hoạt chất nằm trong Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động mua bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi và tiêu hủy chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 47. Vi phạm quy định về nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Hành vi nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp; nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chứa hoạt chất nằm

trong Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Hành vi nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn quá thời hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

3. Phạt tiền đối với hành vi nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn không đúng với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận tương tự mức phạt quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 43. Vi phạm quy định về sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ đúng hướng dẫn sử dụng chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế ghi trên nhãn của chế phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng kèm theo chế phẩm.

2. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế hết hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

trong Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Hành vi nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn quá thời hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định này.

3. Phạt tiền đối với hành vi nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn không đúng với tiêu chuẩn đã đăng ký và được Bộ Y tế chấp thuận tương tự mức phạt quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 48. Vi phạm quy định về sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ đúng hướng dẫn sử dụng chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế ghi trên nhãn của chế phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng kèm theo chế phẩm.

2. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế hết hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 44. Vi phạm quy định về vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn về vận chuyển hóa chất, chế phẩm của phương tiện vận chuyển;
- b) Không đảm bảo yêu cầu đối với bao bì, thùng chứa hoặc công-ten-nơ trong quá trình vận chuyển;
- c) Vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chung với lương thực, thực phẩm hàng giải khát, thuốc chữa bệnh và các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác.

2. Phạt tiền đối với hành vi vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế hết hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45. Vi phạm quy định về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về quảng cáo đối với hóa chất hoặc chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không đúng theo nội dung giấy xác nhận quảng cáo do Bộ Y tế cấp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế như sau:

- a) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi chưa có giấy xác nhận quảng cáo do Bộ Y tế cấp;
- b) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi chưa được cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật;
- c) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực.

Điều 49. Vi phạm quy định về vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn về vận chuyển hóa chất, chế phẩm của phương tiện vận chuyển;
- b) Không đảm bảo yêu cầu đối với bao bì, thùng chứa hoặc công-ten-nơ trong quá trình vận chuyển;
- c) Vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chung với lương thực, thực phẩm hàng giải khát, thuốc chữa bệnh và các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác.

2. Phạt tiền đối với hành vi vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế hết hạn sử dụng tương tự mức phạt quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 50. Vi phạm quy định về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về quảng cáo đối với hóa chất hoặc chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không đúng theo nội dung giấy xác nhận quảng cáo do Bộ Y tế cấp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế như sau:

- a) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi chưa có giấy xác nhận quảng cáo do Bộ Y tế cấp;
- b) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi chưa được cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật;
- c) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực.

Điều 46. Vi phạm quy định về khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi có một trong những thay đổi về điều kiện thực hiện khảo nghiệm theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không có người phụ trách bộ phận khảo nghiệm có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
b) Phòng khảo nghiệm không được quản lý, vận hành theo tiêu chuẩn ISO 17025:2005 hoặc tiêu chuẩn ISO 15189:2012 hoặc phiên bản cập nhật;
c) Hoạt động dịch vụ thử nghiệm mà không đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi có một trong những thay đổi về điều kiện thực hiện khảo nghiệm theo quy định của pháp luật;
b) Không đảm bảo duy trì điều kiện của cơ sở thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo hồ sơ đã công bố;
c) Thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhưng không có Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này;

Điều 51. Vi phạm quy định về khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi có một trong những thay đổi về điều kiện thực hiện khảo nghiệm theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không có người phụ trách bộ phận khảo nghiệm có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn;
b) Phòng khảo nghiệm không được quản lý, vận hành theo tiêu chuẩn ISO 17025:2005 hoặc tiêu chuẩn ISO 15189:2012 hoặc phiên bản cập nhật;
c) Hoạt động dịch vụ thử nghiệm mà không đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi có một trong những thay đổi về điều kiện thực hiện khảo nghiệm theo quy định của pháp luật;
b) Không đảm bảo duy trì điều kiện của cơ sở thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo hồ sơ đã công bố;
c) Thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhưng không có Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này.

Điều 47. Vi phạm quy định về kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi có một trong những thay đổi về điều kiện thực hiện kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Không duy trì, đảm bảo điều kiện của cơ sở thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo hồ sơ đã công bố;

b) Thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn nhưng không công bố đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 48. Vi phạm quy định về đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

b) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chấm dứt việc đăng tải thông tin về đơn vị đủ điều kiện khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này.

Điều 52. Vi phạm quy định về kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn khi có một trong những thay đổi về điều kiện thực hiện kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Không duy trì, đảm bảo điều kiện của cơ sở thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo hồ sơ đã công bố;

b) Thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn nhưng không công bố đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 53. Vi phạm quy định về đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành;

a) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; b) Viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; c) Không lưu trữ hồ sơ bản gốc tại đơn vị đăng ký đối với trường hợp thực hiện đăng ký trực tuyến; d) Không đăng ký lưu hành bổ sung cho chế phẩm khi có thay đổi quyền sở hữu, số đăng ký lưu hành; thay đổi tên thương mại của chế phẩm; thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất; thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của cơ sở đăng ký, tên cơ sở sản xuất, địa chỉ nơi sản xuất và thay đổi tác dụng, chỉ tiêu chất lượng, phương pháp sử dụng chế phẩm. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.	b) Viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; c) Không lưu trữ hồ sơ bản gốc tại đơn vị đăng ký đối với trường hợp thực hiện đăng ký trực tuyến; d) Không đăng ký lưu hành bổ sung cho chế phẩm khi có thay đổi quyền sở hữu, số đăng ký lưu hành; thay đổi tên thương mại của chế phẩm; thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất; thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của cơ sở đăng ký, tên cơ sở sản xuất, địa chỉ nơi sản xuất và thay đổi tác dụng, chỉ tiêu chất lượng, phương pháp sử dụng chế phẩm. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
Mục 10. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP Điều 49. Vi phạm về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng thời hạn quy định; b) Báo cáo về tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng thời hạn; c) Báo cáo sai lệch số liệu về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Báo cáo sai lệch số liệu sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;	Mục 7 VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP Điều 54. Vi phạm về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng thời hạn quy định; b) Báo cáo về tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng thời hạn; c) Báo cáo sai lệch số liệu về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Báo cáo sai lệch số liệu sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

đ) Không chấp hành việc kiểm tra hoặc cản trở việc kiểm tra về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của các cơ quan chức năng có thẩm quyền. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Báo cáo đột xuất về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng thời hạn yêu cầu; b) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Không thực hiện báo cáo về tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Không báo cáo trong trường hợp đột xuất về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Không lưu trữ hồ sơ, tài liệu hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thực hiện đầy đủ các nội dung về đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; b) Không thực hiện đầy đủ các nội dung về kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; c) Không đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến các điều kiện an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; d) Không rà soát, cập nhật kế hoạch ứng cứu khẩn cấp định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến công tác ứng cứu khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:	đ) Không chấp hành việc kiểm tra hoặc cản trở việc kiểm tra về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của các cơ quan chức năng có thẩm quyền. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Báo cáo đột xuất về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng thời hạn yêu cầu; b) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Không thực hiện báo cáo về tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Không báo cáo trong trường hợp đột xuất về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Không lưu trữ hồ sơ, tài liệu hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thực hiện đầy đủ các nội dung về đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; b) Không thực hiện đầy đủ các nội dung về kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; c) Không đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến các điều kiện an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; d) Không rà soát, cập nhật kế hoạch ứng cứu khẩn cấp định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến công tác ứng cứu khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:
--	--

a) Không thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; b) Không xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật trong báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.	a) Không thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; b) Không xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật trong báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.
Điều 50. Vi phạm quy định về nhân lực liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định; b) Không xây dựng tài liệu huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ hoặc tài liệu huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ có nội dung không đầy đủ theo quy định; c) Lựa chọn người huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đủ điều kiện theo quy định. 2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng người không đủ trình độ chuyên môn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định; b) Sử dụng người chưa được huấn luyện, kiểm tra cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.	Điều 55. Vi phạm quy định về nhân lực liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định; b) Không xây dựng tài liệu huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ hoặc tài liệu huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ có nội dung không đầy đủ theo quy định; c) Lựa chọn người huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đủ điều kiện theo quy định. 2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng người không đủ trình độ chuyên môn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định; b) Sử dụng người chưa được huấn luyện, kiểm tra cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.
Điều 51. Vi phạm quy định về quản lý giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Điều 56. Vi phạm quy định về quản lý giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất 10 ngày trước khi thực hiện các hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn theo giấy phép; b) Thông báo với nội dung không đầy đủ, chính xác trước khi thực hiện các hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn theo giấy phép; 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Sản xuất, vận chuyển, sử dụng vượt quá quy mô, số lượng quy định trong giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vượt quá quy mô, số lượng quy định tại Thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chiếm đoạt, làm giả, tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Lợi dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để buôn bán hoặc cung cấp vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác; b) Lợi dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để làm dịch vụ nổ mìn hoặc nổ mìn không đúng địa điểm đã quy định trong Giấy phép. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;	1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất 10 ngày trước khi thực hiện các hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn theo giấy phép; không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện nổ mìn ít nhất 24 giờ trước khi thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn; b) Thông báo với nội dung không đầy đủ, chính xác trước khi thực hiện các hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn theo giấy phép; 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Sản xuất, vận chuyển, sử dụng vượt quá quy mô, số lượng quy định trong giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vượt quá quy mô, số lượng quy định tại Thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chiếm đoạt, làm giả, tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. 4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Lợi dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để buôn bán hoặc cung cấp vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác; b) Lợi dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để làm dịch vụ nổ mìn hoặc nổ mìn không đúng địa điểm đã quy định trong Giấy phép. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;
--	---

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; d) (được bãi bỏ) 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho cơ quan cấp giấy phép, giấy chứng nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.	b) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.
Điều 52. Vi phạm quy định về nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đóng gói vật liệu nổ công nghiệp không phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố hợp chuẩn hoặc công bố hợp quy. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp không đúng nội dung, điều kiện quy định trong đề án nghiên cứu đã được phê duyệt; b) Không thực hiện kiểm định trước khi đưa vào sử dụng hoặc kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.	Điều 57. Vi phạm quy định về nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đóng gói vật liệu nổ công nghiệp không phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố hợp chuẩn hoặc công bố hợp quy. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp không đúng nội dung, điều kiện quy định trong đề án nghiên cứu đã được phê duyệt; b) Không thực hiện kiểm định trước khi đưa vào sử dụng hoặc kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; c) Không đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt bổ sung nhiệm vụ để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp cấp Bộ khi có sự thay đổi tên, mục tiêu, nội dung, tiến độ và sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn, chất lượng sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận; b) Không thực hiện đầy đủ thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật; c) Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng chủng loại với giấy chứng nhận đủ điều kiện; d) Không thực hiện việc phân loại, ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. 4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, giao nhiệm vụ; b) Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Thay đổi về công nghệ, thiết bị, mặt bằng hoặc nhà xưởng sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép; d) Không thực hiện thử nghiệm hoặc cố tình làm sai lệch kết quả thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm a, b khoản 4 Điều này; b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này; c) Đình chỉ hoạt động nghiên cứu, sản xuất vật liệu nổ công nghiệp từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;	3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn, chất lượng sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận; b) Không thực hiện đầy đủ thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật; c) Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng chủng loại với giấy chứng nhận đủ điều kiện; d) Không thực hiện việc phân loại, ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. 4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, giao nhiệm vụ; b) Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Thay đổi về công nghệ, thiết bị, mặt bằng hoặc nhà xưởng sản xuất vật liệu nổ công nghiệp khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép; d) Không thực hiện thử nghiệm hoặc cố tình làm sai lệch kết quả thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm a, b khoản 4 Điều này; b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này; c) Đình chỉ hoạt động nghiên cứu, sản xuất vật liệu nổ công nghiệp từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;
--	--

b) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và b khoản 3 Điều này.	b) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và b khoản 3 Điều này.
Điều 53. Vi phạm quy định về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có nội quy, quy định về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Không có biển cấm, biển báo, chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy, chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Không xây dựng và niêm yết quy trình sắp xếp, bảo quản, xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong kho; d) Không có sổ theo dõi người ra vào kho vật liệu nổ công nghiệp trong ca trực; đ) Không ghi chép, cập nhật người ra vào kho vật liệu nổ công nghiệp trong ca trực hoặc ghi chép tình hình người ra vào kho vật liệu nổ công nghiệp trong ca trực không đúng với thực tế. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có phương án bảo vệ an ninh, trật tự kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật; b) Không thực hiện niêm phong, khóa cửa kho vật liệu nổ công nghiệp; c) Không đủ lực lượng bảo vệ canh gác kho vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; b) Không thực hiện thủ tục xuất nhập kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;	Điều 58. Vi phạm quy định về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có nội quy, quy định về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Không có biển cấm, biển báo, chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy, chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; c) Không xây dựng và niêm yết quy trình sắp xếp, bảo quản, xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong kho; d) Không có sổ theo dõi người ra vào kho vật liệu nổ công nghiệp trong ca trực; đ) Không ghi chép, cập nhật người ra vào kho vật liệu nổ công nghiệp trong ca trực hoặc ghi chép tình hình người ra vào kho vật liệu nổ công nghiệp trong ca trực không đúng với thực tế. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có phương án bảo vệ an ninh, trật tự kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật; b) Không thực hiện niêm phong, khóa cửa kho vật liệu nổ công nghiệp; c) Không đủ lực lượng bảo vệ canh gác kho vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; b) Không thực hiện thủ tục xuất nhập kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

c) Xây dựng, trang bị thiếu hoặc trang bị không đúng quy định các loại công cụ hỗ trợ, phương tiện, công trình bảo vệ, canh gác trong kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Không thực hiện canh gác, bảo vệ khu vực bảo quản vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho tổ chức, cá nhân khác gửi vật liệu nổ công nghiệp hoặc thuê kho chứa vật liệu nổ công nghiệp nhưng không có hợp đồng bằng văn bản hoặc văn bản giao bảo quản vật liệu nổ công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp vượt quá quy mô bảo quản theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt; c) Dự trữ vật liệu nổ công nghiệp thuộc hàng dự trữ quốc gia không đúng loại kho, địa điểm theo quy định; d) Không thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quy chuẩn kỹ thuật khi xây dựng, mở rộng, cải tạo kho vật liệu nổ công nghiệp; đ) Cố tình làm sai lệch chứng từ xuất, nhập kho vật liệu nổ công nghiệp, hộ chiếu nổ mìn để làm thất thoát vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại địa điểm hoặc kho không đáp ứng các yêu cầu về xây dựng, an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, chống sét, kiểm, soát tĩnh điện và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; b) Để mất tiền chất thuốc nổ do không bố trí lực lượng bảo vệ và tổ chức canh gác 24/24 giờ trong ngày. 6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi để mất vật liệu nổ công nghiệp tại kho vật liệu nổ công nghiệp. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ hoạt động bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;	c) Xây dựng, trang bị thiếu hoặc trang bị không đúng quy định các loại công cụ hỗ trợ, phương tiện, công trình bảo vệ, canh gác trong kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Không thực hiện canh gác, bảo vệ khu vực bảo quản vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Cho tổ chức, cá nhân khác gửi vật liệu nổ công nghiệp hoặc thuê kho chứa vật liệu nổ công nghiệp nhưng không có hợp đồng bằng văn bản hoặc văn bản giao bảo quản vật liệu nổ công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp vượt quá quy mô bảo quản theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt; c) Dự trữ vật liệu nổ công nghiệp thuộc hàng dự trữ quốc gia không đúng loại kho, địa điểm theo quy định; d) Không thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quy chuẩn kỹ thuật khi xây dựng, mở rộng, cải tạo kho vật liệu nổ công nghiệp; đ) Cố tình làm sai lệch chứng từ xuất, nhập kho vật liệu nổ công nghiệp, hộ chiếu nổ mìn để làm thất thoát vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại địa điểm hoặc kho không đáp ứng các yêu cầu về xây dựng, an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, chống sét, kiểm, soát tĩnh điện và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; b) Để mất tiền chất thuốc nổ do không bố trí lực lượng bảo vệ và tổ chức canh gác 24/24 giờ trong ngày. 6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi để mất vật liệu nổ công nghiệp tại kho vật liệu nổ công nghiệp. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ hoạt động bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;
--	--

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; trong xây dựng, trang bị các loại công cụ hỗ trợ, phương tiện, công trình bảo vệ, canh gác trong kho vật liệu nổ công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều này; b) Buộc di chuyển hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ đến kho, địa điểm theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c khoản 4 và khoản 5 Điều này.	b) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; trong xây dựng, trang bị các loại công cụ hỗ trợ, phương tiện, công trình bảo vệ, canh gác trong kho vật liệu nổ công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều này; b) Buộc di chuyển hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ đến kho, địa điểm theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c khoản 4 và khoản 5 Điều này.
Điều 54. Vi phạm quy định về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có biên báo xác định giới hạn khu vực bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có biểu trưng, ký hiệu vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Không tổ chức bảo vệ canh gác khi tiến hành bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có hoặc không bố trí đủ người áp tải khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Không có kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, biện pháp bảo vệ an ninh trật tự theo quy định; c) Dùng đồ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp do sự cố nhưng không đặt biên báo sự cố nguy hiểm theo quy định; d) Bốc, chuyển vật liệu nổ công nghiệp sang phương tiện khác không đúng quy định khi đang trên đường vận chuyển;	Điều 59. Vi phạm quy định về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có biên báo xác định giới hạn khu vực bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có biểu trưng, ký hiệu vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Không tổ chức bảo vệ canh gác khi tiến hành bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không có hoặc không bố trí đủ người áp tải khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Không có kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, biện pháp bảo vệ an ninh trật tự theo quy định; c) Dùng đồ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp do sự cố nhưng không đặt biên báo sự cố nguy hiểm theo quy định; d) Bốc, chuyển vật liệu nổ công nghiệp sang phương tiện khác không đúng quy định khi đang trên đường vận chuyển;

đ) Đề mất Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; không thực hiện việc nộp lại Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp sau khi hoàn tất việc vận chuyển đúng thời hạn theo quy định. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vận chuyển không đúng chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định trong Giấy phép, mệnh lệnh vận chuyển; b) Vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; c) Sử dụng phương tiện không đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp để vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không đúng tuyến đường quy định trong giấy phép vận chuyển; b) Dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở những nơi không được phép theo quy định của pháp luật; c) Bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp tại địa điểm chưa được cho phép theo quy định. 6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không có Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đề mất vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình vận chuyển.	đ) Đề mất Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; không thực hiện việc nộp lại Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp sau khi hoàn tất việc vận chuyển đúng thời hạn theo quy định. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vận chuyển không đúng chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định trong Giấy phép, mệnh lệnh vận chuyển; b) Vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; c) Sử dụng phương tiện không đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp để vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không đúng tuyến đường quy định trong giấy phép vận chuyển; b) Dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở những nơi không được phép theo quy định của pháp luật; c) Bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp tại địa điểm chưa được cho phép theo quy định. 6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không có Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. 7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đề mất vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình vận chuyển.
Điều 55. Vi phạm quy định về kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không ký kết hợp đồng mua, bán vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi từ chối mua lại vật liệu nổ công nghiệp sử dụng không hết hoặc chưa sử dụng của các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hợp pháp có nhu cầu bán.	Điều 60. Vi phạm quy định về kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không ký kết hợp đồng mua, bán vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi từ chối mua lại vật liệu nổ công nghiệp sử dụng không hết hoặc chưa sử dụng của các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hợp pháp có nhu cầu bán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia không đúng chủng loại, khối lượng, quy cách và chất lượng theo quy định trong kế hoạch dự trữ quốc gia. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng vật liệu nổ công nghiệp quy định trong Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức không có giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc tổ chức có giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã hết hạn hoặc tổ chức đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 5 Điều này; b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. Điều 56. Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có chỉ huy nổ mìn khi thực hiện nổ mìn.	3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp dự trữ quốc gia không đúng chủng loại, khối lượng, quy cách và chất lượng theo quy định trong kế hoạch dự trữ quốc gia. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; b) Bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng vật liệu nổ công nghiệp quy định trong Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bán vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức không có giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc tổ chức có giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã hết hạn hoặc tổ chức đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 5 Điều này; b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. Điều 61. Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có chỉ huy nổ mìn khi thực hiện nổ mìn.
--	--

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Hộ chiếu nổ mìn lập không đầy đủ nội dung; Hộ chiếu nổ mìn lập không phù hợp với quy định tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc phương án nổ mìn được phê duyệt; b) Không canh gác bảo vệ hoặc không có ký hiệu, biển báo nguy hiểm tại giới hạn vùng nguy hiểm khi nổ mìn; c) Không đăng ký, thông báo hoặc không thực hiện đúng trình tự tín hiệu báo lệnh nổ mìn và báo yên đã đăng ký, thông báo. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; b) Không thực hiện giám sát ảnh hưởng nổ mìn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ nằm trong phạm vi ảnh hưởng nổ mìn theo quy định; c) Không thực hiện kiểm định trước khi đưa vào sử dụng hoặc kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không lập hộ chiếu nổ mìn; thay đổi chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, phương pháp điều khiển nổ hoặc số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng lớn hơn quy mô bãi nổ quy định tại giấy phép, thiết kế hoặc phương án nổ mìn đã được phê duyệt. 5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi thiết kế hoặc phương án nổ mìn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cho phép khi nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công	2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Hộ chiếu nổ mìn lập không đầy đủ nội dung; Hộ chiếu nổ mìn lập không phù hợp với quy định tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc phương án nổ mìn được phê duyệt; b) Không canh gác bảo vệ hoặc không có ký hiệu, biển báo nguy hiểm tại giới hạn vùng nguy hiểm khi nổ mìn; c) Không đăng ký, thông báo hoặc không thực hiện đúng trình tự tín hiệu báo lệnh nổ mìn và báo yên đã đăng ký, thông báo. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; b) Không thực hiện giám sát ảnh hưởng nổ mìn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ nằm trong phạm vi ảnh hưởng nổ mìn theo quy định; c) Không thực hiện kiểm định trước khi đưa vào sử dụng hoặc kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không lập hộ chiếu nổ mìn; thay đổi chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, phương pháp điều khiển nổ hoặc số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng lớn hơn quy mô bãi nổ quy định tại giấy phép, thiết kế hoặc phương án nổ mìn đã được phê duyệt; b) Ký hợp đồng nổ mìn dịch vụ với tổ chức không có giấy phép dịch vụ nổ mìn theo quy định; ký hợp đồng dịch vụ nổ mìn với tổ chức không đủ điều kiện thuê dịch vụ nổ mìn theo quy định. 5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi thiết kế hoặc phương án nổ mìn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cho phép khi nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công
--	--

trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật; b) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không thuộc Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam. 6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại địa điểm không đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn; b) Sử dụng vật liệu nổ không có giấy phép sử dụng vật liệu nổ hoặc giấy phép dịch vụ nổ mìn hoặc ngoài phạm vi giấy phép hoặc giấy phép đã hết hạn; c) Không bán lại vật liệu nổ công nghiệp còn đảm bảo chất lượng khi sử dụng không hết, không còn nhu cầu sử dụng cho tổ chức kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hoặc không bán lại tiền chất thuốc nổ sử dụng không hết, không còn nhu cầu sử dụng cho tổ chức sản xuất, kinh doanh tiền chất thuốc nổ; d) Mua vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của tổ chức, cá nhân không được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Không nhập kho số vật liệu nổ công nghiệp còn thừa sau khi kết thúc nổ mìn; e) Để mất vật liệu nổ công nghiệp. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này; b) Tước quyền sử dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều này; c) Tước quyền sử dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và đ khoản 6 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.	trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật; b) Sử dụng vật liệu nổ không thuộc Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam. 6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại địa điểm không đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn; b) Sử dụng vật liệu nổ không có giấy phép sử dụng vật liệu nổ hoặc giấy phép dịch vụ nổ mìn hoặc ngoài phạm vi giấy phép hoặc giấy phép đã hết hạn; c) Không bán lại vật liệu nổ công nghiệp còn đảm bảo chất lượng khi sử dụng không hết, không còn nhu cầu sử dụng cho tổ chức kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hoặc không bán lại tiền chất thuốc nổ sử dụng không hết, không còn nhu cầu sử dụng cho tổ chức sản xuất, kinh doanh tiền chất thuốc nổ; d) Mua vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của tổ chức, cá nhân không được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Không nhập kho số vật liệu nổ công nghiệp còn thừa sau khi kết thúc nổ mìn; e) Để mất vật liệu nổ công nghiệp. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này; b) Tước quyền sử dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều này; c) Tước quyền sử dụng Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và đ khoản 6 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;
--	---

	b) Buộc hủy hợp đồng đã ký trái quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.
Điều 57. Vi phạm quy định về kiểm tra, thử và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thử định kỳ vật liệu nổ công nghiệp; b) Không lập biên bản tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp mất phẩm chất hoặc được phép tiêu hủy theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thực hiện tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp đã mất phẩm chất; b) Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tiến hành tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình tiêu hủy. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp đã mất phẩm chất đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.	Điều 62. Vi phạm quy định về kiểm tra, thử và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thử định kỳ vật liệu nổ công nghiệp; b) Không lập biên bản tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp mất phẩm chất hoặc được phép tiêu hủy theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: a) Không thực hiện tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp đã mất phẩm chất; b) Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tiến hành tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong quá trình tiêu hủy. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp đã mất phẩm chất đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.
Chương III THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH Điều 58. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.	Chương III THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH Điều 63. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất	xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa
--	--

Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
	Điều 64. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực 1. Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 2. Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản

	xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
Điều 59. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra 1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính. 2. Chánh Thanh tra Sở Công Thương, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục trưởng Chi cục Thú y vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Nam Bộ thuộc Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Hóa chất, Cục kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Quản lý môi trường y tế, Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Thủy lợi, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục Thú y, Cục Chăn nuôi, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Công	Điều 65. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra 1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp. 2. Trưởng đoàn thanh tra của các cơ quan: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh; Trưởng đoàn thanh tra cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Chánh Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam; Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu; Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh có quyền:

Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 140.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra các Bộ: Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt; Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	
Điều 60. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân 1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng; 2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng; 3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính. 4. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm	Điều 66. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân 1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp. 2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 3. Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;	b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Trưởng Công an cấp xã có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa gồm: Trưởng phòng Chống phản
--	---

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	động, Trưởng phòng Chống khủng bố, Trưởng phòng An ninh xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy gồm: Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực sản xuất trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm trong các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
--	--

	d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Trưởng Công an cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động, có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
--	---

	b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
Điều 61. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan 1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng. 2. Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng. 3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;	Điều 67. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan 1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp. 2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

~~d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.~~

~~4. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:~~

~~a) Phạt cảnh cáo;~~

~~b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;~~

~~e) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;~~

~~đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;~~

~~đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.~~

~~5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:~~

~~a) Phạt cảnh cáo;~~

~~b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;~~

~~c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;~~

~~d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.~~

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa

	chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
Điều 61a. Thẩm quyền của Kiểm ngư 1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 4.000.000 đồng. 2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;	Điều 68. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư 1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp. 2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Cục trưởng Cục Kiểm ngư có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
Điều 62. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường 1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.	Điều 69. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường 1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, e, đ, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản	b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp. 2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
--	---

xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
Điều 63. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng 1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng. 2. Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Bộ đội biên phòng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.	Điều 70. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng 1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp. 2. Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Bộ đội biên phòng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;

2a. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
--	--

3a. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
---	---

Điều 64. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- ~~b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp.~~

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- ~~b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp.~~

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- ~~b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;~~
- ~~c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.~~

Điều 71. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; e) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:	4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và không vượt quá 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:
---	---

a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, d khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, d khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất; đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1; Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
--	---

Điều 65. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thanh tra, Công an nhân dân, Hải quan, Quản lý thị trường, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt trong phạm vi quản lý của địa phương mình đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1 Điều 7; khoản 1, 2 Điều 8; điểm a khoản 1, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 11; khoản 1, 2 Điều 12; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 25; điểm a, b, c khoản 1 Điều 27; Điều 28; khoản 1 Điều 29; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1, 2 Điều 38; khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 43; khoản 1 Điều 44; khoản 1 Điều 47; điểm a, b, đ khoản 1 Điều 49; khoản 1 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 54; khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57 Nghị định này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt trong phạm vi quản lý của địa phương mình đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 2, khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 1, 2, 3 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 32; Điều 33; khoản 1, 2, 3 Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; khoản 1, 2, điểm a, b, c, d, đ khoản 3, điểm a, b, c, d, đ khoản 4, khoản 5 Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 52; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 53; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 54; khoản 1, 2 và 3 Điều 55; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56 và Điều 57 Nghị định này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

Điều 72. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thanh tra, Công an nhân dân, Hải quan, Quản lý thị trường, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt trong phạm vi quản lý của địa phương mình đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1, khoản 2 Điều 9; Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11; Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 14; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; khoản 1 Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51; Điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 53; Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 57; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 59; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 60; Điều 61 Nghị định này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra:

a) Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về hóa chất đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 và Điều 36 Nghị định này;

b) Chánh Thanh tra Sở Công Thương, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Công Thương xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10; khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 2, khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 11; Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 19; Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 32; Điều 33; khoản 1, 2, 3 Điều 34; Điều 35, 36, 49, 50; khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1, 2 và 3 Điều 52; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 53; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 54; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 55; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56 và Điều 57 Nghị định này;

e) Chánh Thanh tra Sở Y tế, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Quản lý môi trường y tế, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Y tế xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14, 15, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định này trong lĩnh vực y tế, hóa chất sử dụng trong chất diệt khuẩn, diệt côn trùng trong gia dụng và y tế, được phẩm và phụ gia thực phẩm; các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 37; khoản 1, 2, điểm a, b, c, d, đ khoản 3, điểm a, b, c, d, đ khoản 4, khoản 5 Điều 38; Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 và 48 Nghị định này;

đ) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Hóa chất xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10; khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 2, khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 11; Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 19; Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 32; Điều 33; khoản 1, 2, 3 Điều 34; Điều 35, 36 Nghị định này; các hành vi vi phạm hành chính về kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp tại điểm b, d, đ khoản 1, khoản 2, điểm b, c, d khoản 3 Điều 49; Điều 50; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 51; khoản 1, 2 và 3 Điều 53 và khoản 1, 2, 3, 4 Điều 55 Nghị định này;

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra:

a) Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 40 Nghị định này;

b) Trưởng đoàn thanh tra của các cơ quan: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh; Trưởng đoàn thanh tra cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

c) Chánh Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam; Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu; Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

d) Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, thành lập xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này.

đ) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính tại Điều 5; Điều 8; Điều 11; Điều 14, 15; khoản 1 Điều 30; Điều 49, 50; khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1, 2 và 3 Điều 52; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 53; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 54; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 55; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56 và Điều 57 Nghị định này;

e) Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Thú y vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Nam Bộ thuộc Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Tổng cục Thủy sản, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục Thú y, Cục Chăn nuôi, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; Điều 15; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28 và Điều 29 Nghị định này trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;

g) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành về hóa chất của Bộ Công Thương xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; khoản 1 và điểm a, b, c khoản 2 Điều 19; Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31; khoản 1 và điểm a, b, c khoản 2 Điều 32; Điều 33, 34, 35 và 36 Nghị định này;

h) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Y tế xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14, 15, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định này trong lĩnh vực y tế, hóa chất sử dụng trong chất diệt khuẩn, diệt côn trùng trong gia dụng và y tế, dược phẩm và phụ gia thực phẩm; các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 37; khoản 1, 2,

điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3, điểm a, b, c, d, đ, e khoản 4, khoản 5 Điều 38; Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 và 48 Nghị định này;

i) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14, 15, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định này trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;

k) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành về vật liệu nổ công nghiệp của Bộ Công Thương xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 49; 50; khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1, 2 và 3 Điều 52; khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53; khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 54; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 55; khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 56 và Điều 57 Nghị định này;

l) Chánh Thanh tra Bộ Công Thương xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Chương II Nghị định này;

m) Chánh Thanh tra Bộ Y tế, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14, 15, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định này trong lĩnh vực y tế, hóa chất sử dụng trong chất diệt khuẩn, diệt côn trùng trong gia dụng và y tế, dược phẩm và phụ gia thực phẩm; các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Mục 9 Chương II Nghị định này;

n) Cục trưởng Cục Hóa chất xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Chương II Nghị định này; các hành vi vi phạm hành chính về kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp tại điểm b, d, đ khoản 1, khoản 2, điểm b, c, d khoản 3 Điều 49; Điều 50; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 51; khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 53; Điều 55 Nghị định này;

o) Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5; Điều 8; Điều 11; Điều 14, 15; khoản 1 Điều 30 Nghị định này; các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Mục 10 Chương II Nghị định này;

p) Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Quản lý nông lâm sản và thủy sản, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục

~~Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; Điều 15; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28 và Điều 29 Nghị định này trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;~~

~~q) Chánh thanh tra các Bộ: Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường; Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, in và Phát hành, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo quy định tại khoản 4 Điều 59 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.~~

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân:

- a) Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21, Điều 36 Nghị định này;
- b) Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 21; khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 28; Điều 36 Nghị định này;
- c) Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 5; Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 28; Điều 36; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 54 Nghị định này theo quy định tại khoản 3 Điều 60 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân:

- a) Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 40 Nghị định này;
- b) Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 40 Nghị định này;
- c) Trưởng Công an cấp xã xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;;
- d) Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa gồm: Trưởng phòng Chống phản động, Trưởng phòng Chống khủng bố, Trưởng phòng An ninh xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy gồm: Trưởng phòng Phòng

d) Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5; khoản 1 Điều 6; Điều 7; khoản 1, 2 và 3 Điều 8; Điều 9; điểm a, b khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 11; Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 14; khoản 1, 2, 3 Điều 15; khoản 1, 4 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 1 và 2 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 1, 2, 3 Điều 24; điểm a, b, c, d khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 25; khoản 1 Điều 26; điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 27; Điều 28; Điều 29; khoản 1 và 2 Điều 30; khoản 1, 3 Điều 31; khoản 1 Điều 32; khoản 1, 2 Điều 33; khoản 1, 2 Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; khoản 1, 2 và 5 Điều 38; Điều 39; Điều 40; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 43; Điều 44; khoản 1 Điều 45; Điều 46; Điều 47; điểm a, b, đ khoản 1, khoản 2 và 3 Điều 49; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 52; khoản 1 và 2 Điều 53; khoản 1, 2 và 3 Điều 54; khoản 2 Điều 55; khoản 1 và 2 Điều 56; khoản 1 và 2 Điều 57 Nghị định này theo quy định tại khoản 4 Điều 60 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 2, khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 1,

ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực sản xuất trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm trong các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này theo quy định tại khoản 4 Điều 64 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Trưởng Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

đ) Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi

2, 3 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 22; khoản 1, 3 Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 32; Điều 33; khoản 1, 2, 3 Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; khoản 1, 2 và 5 Điều 38; Điều 39; Điều 40; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; điểm a, b, đ khoản 1, khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 49; Điều 50; khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1, 2 và 3 Điều 52; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 53; khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 54; khoản 1, 2 và 3 Điều 55; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 56 và Điều 57 Nghị định này; e) Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 1, 2 và 3 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 22; khoản 1, 3 Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; khoản 1, 2 và 5 Điều 38; Điều 39; Điều 40; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; điểm a, b, đ khoản 1, khoản 2, 3, 4, 5 Điều 49; Điều 50; Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 54; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 55; Điều 56 và Điều 57 Nghị định này theo quy định tại khoản 6 Điều 60 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan: a) Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 24 và khoản 1 Điều 42 Nghị định này;	trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này theo quy định tại khoản 6 Điều 60 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan: a) Công chức Hải quan đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này; b) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội
---	---

b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 19; khoản 4 Điều 20; khoản 1, 2, 5, 6 Điều 24; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 42 Nghị định này; c) Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 19; khoản 4 Điều 20; Điều 24; Điều 32; Điều 42; khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 55 Nghị định này; d) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 19; khoản 4 Điều 20; khoản 1, 2, 5, 6 Điều 24; Điều 32; khoản 1 Điều 42; khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 55 Nghị định này. 4a. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư: a) Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản; b) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2 Điều 8; khoản 2 Điều 19; Điều 32 của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản; c) Cục trưởng Cục Kiểm ngư xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2 Điều 8; khoản 2 Điều 19; Điều 32 của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản.	kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này; c) Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này; d) Cục trưởng Cục Hải quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này; 5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư: a) Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản; b) Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản; c) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản; d) Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản.
--	---

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường:

a) Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định này;

b) ~~Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5; khoản 1, 2 Điều 8; khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 2 và khoản 3 Điều 11; Điều 12; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 13; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 và 6 Điều 16; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 và 6 Điều 17; khoản 1 Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 1, 2 và 3 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; khoản 5, 6 Điều 24; Điều 26; điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1, điểm a, b và c khoản 2 Điều 27; Điều 28; Điều 29; khoản 1 và 2 Điều 30; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 31; khoản 1 Điều 32; khoản 1 và 2 Điều 33; khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37; khoản 1, 2 và 5 Điều 38; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; khoản 2 Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 48; khoản 1, 2, 3 Điều 49; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 52; khoản 1 và 2 Điều 53; khoản 1, 2 và 3 Điều 54; khoản 1 và 2 Điều 55~~ Nghị định này;

e) ~~Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; khoản 1, 2, 3 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; khoản 5, 6 và 6a Điều 24; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Điều 39; khoản 2 Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 48; khoản 1, 2, 3 Điều 49; khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1 và điểm a, c, d khoản 3 Điều 52; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 53; khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 54; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 55~~ Nghị định này;

d) ~~Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; khoản 1, 2, 3 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; khoản 5, 6 và 6a~~

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường:

a) Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định này;

b) ~~Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ...~~ Nghị định này;

c) Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

d) Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này.

~~Điều 24; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32;
Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Điều 39; khoản 2 Điều 40;
Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 48; khoản 1, 2, 3 Điều
49; Điều 51; khoản 1 và điểm a, c, d khoản 3 Điều 52; Điều 53; Điều 54
và Điều 55 Nghị định này.~~

6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng:

a) Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định này;

b) Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 42; khoản 1 Điều 54 Nghị định này;

c) Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 8; khoản 1 và 2 Điều 12; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 32; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; khoản 1 Điều 44; khoản 1, 2 và 3 Điều 54; khoản 1 Điều 56 Nghị định này;

d) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 8; Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 1 và 2 Điều 15; khoản 1 và 4 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 19; khoản 1 và 2 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 31; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 32; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 44; khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 3 Điều 54; khoản 2 Điều 55; khoản 1 và 2 Điều 56 Nghị định này;

đ) Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; Điều 12; Điều 13; khoản 1, 2 và 2a Điều 15; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều 16; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều

6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng:

a) Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

b) Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

c) Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

d) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

đ) Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

e) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này.

17; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 1, 3, 4 Điều 23; khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 31; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 32; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; khoản 1 Điều 44; khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 54; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 55; khoản 1 và 2 Điều 56 Nghị định này;

e) Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; Điều 12; Điều 13; khoản 1, 2 và 2a Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 1, 3, 4 Điều 23; Điều 31; Điều 32; khoản 2 và 3 Điều 34; khoản 1 và 3 Điều 41; Điều 42; Điều 44; Điều 51; Điều 54; Điều 55 và Điều 56 Nghị định này.

7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển Việt Nam

a) Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 42 Nghị định này;

b) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 42; khoản 1 và 2 Điều 54; khoản 1 Điều 56 Nghị định này;

c) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 8; khoản 1 và 2 Điều 12; khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 43, 44; khoản 1, 2 và 3 Điều 54; khoản 1 và 2 Điều 56 Nghị định này;

d) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 8; Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 15; khoản 1 và 4 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 19; khoản 1 và 2 Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 31; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 32; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 43, 44; khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 3 Điều 54; khoản 2 Điều 55; khoản 1 và 2 Điều 56 Nghị định này;

7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển Việt Nam

a) Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

b) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

c) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

d) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

đ) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

e) Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này;

g) Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều ... Nghị định này.

đ) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; Điều 12; khoản 1 và 2 Điều 13; khoản 1, khoản 2, 2a Điều 15; khoản 1, 4 và 5 Điều 16; khoản 1 và 4 Điều 17; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 19; khoản 1, 2 và 3 Điều 20; Điều 21; khoản 1 và 3 Điều 23; khoản 1 Điều 31; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 32; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 43; Điều 44; khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 54; khoản 2 và 3 Điều 55; khoản 1, 2 và 3 Điều 56 Nghị định này; e) Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; Điều 12; Điều 13; Điều 15; khoản 1 và 4 Điều 16; khoản 1 và 4 Điều 17; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 1, 3 và 4 Điều 23; khoản 1 và 3 Điều 31; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 32; khoản 1 và 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 43; Điều 44; điểm b, c, d khoản 1 Điều 48; khoản 1 và 3 Điều 51; khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 54; khoản 2, 3 và 4 Điều 55; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 56 Nghị định này; g) Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; Điều 12; Điều 13; Điều 15; khoản 1 và 4 Điều 16; khoản 1 và 4 Điều 17; Điều 19, 20, 21; khoản 1, 3 và 4 Điều 23; khoản 1 và 3 Điều 31; Điều 32, 39; khoản 2 và 3 Điều 34; khoản 1 và 3 Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; điểm b, c, d khoản 1 Điều 48; khoản 1, điểm b, c khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 51; Điều 54; khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 55; Điều 56 Nghị định này.	
Điều 66. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính 1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 58, 59, 60, 61, 62, 63 và Điều 64 của Nghị định này. 2. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trong các cơ quan được quy định tại các Điều 60, 63 và Điều 64 Nghị định này; công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.	Điều 73. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính 1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 62, 63, 64, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 và Điều 71 của Nghị định này. 2. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trong các cơ quan được quy định tại các Điều 66, 70 và Điều 71 Nghị định này; công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

3. Chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.	3. Chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.
Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 67. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý. Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi đã xảy ra thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý. 2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 115/2016/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP.	Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 74. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý. Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi đã xảy ra thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý. 2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp xảy ra sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà Nghị định này không quy định xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp, Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. 3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm

	và hiệu quả; hoạt động thương mại; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.
Điều 68. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2019. 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 115/2016/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP.	Điều 75. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Bãi bỏ Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp; Điều 1 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.
Điều 69. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này./.	Điều 76. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này./.